



DANH SÁCH CẤP ĐỘI, CẤP LẠI BẰNG “TỔ QUỐC GHI CÔNG”

(Kèm theo Quyết định số: 1005/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)

TỈNH ĐỒNG NAI

- 1 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN DỤ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 5Y 594 bm Quyết định số: 765/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1978
- 2 **Liệt sĩ: ĐƯƠNG VĂN NỈ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Cù Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1967
Số bằng: 6D 657 bm Quyết định số: 889/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 3 **Liệt sĩ: THỎ TRỌNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuân Tân, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1964
Số bằng: CL 872 km Quyết định số: 74CT/KT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 4 **Liệt sĩ: TÓNG VĂN PHẨM**
Bí thư Chi bộ xã, Nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Cù Long, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 9 năm 1952
Số bằng: EC 155 cp Quyết định số: 945/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 5 **Liệt sĩ: ĐỖ NGỌC SON**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tân, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1984
Số bằng: BG 072 bt Quyết định số: 332-CT/KT ngày 3 tháng 12 năm 1986
- 6 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN QUANG**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Giao, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1975
Số bằng: 3L 489 bm Quyết định số: 1512/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 7 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NHUNG**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Nghĩa Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 1U 496 cm Quyết định số: 1512/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 8 **Liệt sĩ: NGUYỄN CHỢ**
Trưởng an ninh thôn, Nguyên quán: xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 4B 527 cm Quyết định số: 698/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 9 **Liệt sĩ: LÊ VĂN MAI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 6N 445 bm Quyết định số: 1007/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1979

- 10 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 9R 178 bm Quyết định số: 476/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1980
- 11 Liệt sĩ: **NGUYỄN HOÀI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phù Cát, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 1T 961 km Quyết định số: 1512/TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 12 Liệt sĩ: **THỎ TRIỆU**
Xã Đội phó, Nguyên quán: xã Xuân Tân, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1973
Số bằng: CQ 934 km Quyết định số: 73/CT/KT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 13 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỂM**
Cán bộ tuyên truyền huyện, Nguyên quán: xã Thanh Lương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1950
Số bằng: AC 351 cp Quyết định số: 134/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1972
- 14 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
Bí thư Chi bộ xã, Nguyên quán: xã Hiệp Ninh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1963
Số bằng: 4I 762 cm Quyết định số: 241/TTG ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 15 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN VĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Công, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 12 năm 1980
Số bằng: B 873 bt Quyết định số: 335/CT/KT ngày 10 tháng 11 năm 1982
- 16 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN SÁU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phước huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 4R 436 bm Quyết định số: 176/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 17 Liệt sĩ: **PHAN VĂN EM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 1M 363 bm Quyết định số: 787/TTGa ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 18 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THIÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HM 994 km Quyết định số: 665/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 19 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 2T 297 bm Quyết định số: 1390/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1977
- 20 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phước huyện Long Thành,

tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 4V 738 bm Quyết định số: 255/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978

- 21 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỸ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phước huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 3X 743 bm Quyết định số: 1733/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 22 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phước huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1962
Số bằng: 3X 779 bm Quyết định số: 1733/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 23 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HÀ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phước huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3T 874 bm Quyết định số: 1610/TTGa ngày 3 tháng 12 năm 1977
- 24 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THANH**
Trưởng ban Công an xã, Nguyên quán: xã Hàm Thắng, huyện Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1948
Số bằng: SC 633 cp Quyết định số: 54/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1979
- 25 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CỌT**
Dân quân xã, Nguyên quán: xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1945
Số bằng: PC 266 kp Quyết định số: 1361/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1978
- 26 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ CỤC**
Đảng viên, Nguyên quán: xã Thạnh Hội, huyện Thanh An, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1972
Số bằng: SM 131 cm Quyết định số: 609/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 27 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1973
Số bằng: KM 646 km Quyết định số: 609/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 28 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TRANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Minh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 8 năm 1950
Số bằng: PC 571 bp Quyết định số: 889/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 29 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN BA**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Bình Nhâm, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1965
Số bằng: 1G 681 cm Quyết định số: 1138/TTGa ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 30 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TẤN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Nhâm, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1965
Số bằng: 1H 233 km Quyết định số: 1138/TTGa ngày 7 tháng 10 năm 1977

- 31 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆP**
Nhân viên, Nguyên quán: xã Xuân Bình, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 4A 520 cm Quyết định số: 555/TTGa ngày 30 tháng 7 năm 1979
- 32 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN KHÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 4 năm 1983
Số bằng: Y 339 bt Quyết định số: 73-CT/KT ngày 19 tháng 3 năm 1984
- 33 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1969
Số bằng: ML 661 bm Quyết định số: 150/TTGa ngày 19 tháng 6 năm 1970
- 34 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁNH HỒ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1973
Số bằng: LO 694 bm Quyết định số: 199/TTGa ngày 26 tháng 4 năm 1974
- 35 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÓN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Bình, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 3 năm 1985
Số bằng: BI 024 bt Quyết định số: 106-CT/KT ngày 3 tháng 6 năm 1987
- 36 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỐT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1965
Số bằng: 7Q 441 bm Quyết định số: 1475/TTGa ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 37 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 7T 185 bm Quyết định số: 64/TTGa ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 38 Liệt sĩ: **PHẠM SƠN**
Tiểu đội trưởng huyện đội Xuân Lộc, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 6Z 787 bm Quyết định số: 1153/TTGa ngày 9 tháng 10 năm 1978
- 39 Liệt sĩ: **PHẠM THUẬN**
Đội viên Đội công tác xã Tịnh Hòa, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 1K 807 cm Quyết định số: 1423/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 40 Liệt sĩ: **PHẠM HẠNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 9G 116 bm Quyết định số: 903/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 41 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LONG**

- Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lương, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3X 816 bm Quyết định số: 1802/Ttga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 42 Liệt sĩ: **MAI THỊ HỒNG LĨNH**
Công nhân lao động vận chuyển, Nguyên quán: xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1966
Số bằng: DM 370 cm Quyết định số: 189/Ttg ngày 5 tháng 11 năm 1969
- 43 Liệt sĩ: **TRẦN MINH LÝ**
Thợ máy nổ, Nguyên quán: xã Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1966
Số bằng: XN 633 km Quyết định số: 167/Ttga ngày 23 tháng 11 năm 1966
- 44 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phố Mới, tp Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1972
Số bằng: VO 301 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 45 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phố Mới, tp Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1969
Số bằng: VO 520 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1971
- 46 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1974
Số bằng: PB 843 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1975
- 47 Liệt sĩ: **LẠI VĂN CƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: TY 270 bm Quyết định số: 129/Ttga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 48 Liệt sĩ: **ĐỖ DIỄN**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1946
Số bằng: SC 845 bp Quyết định số: 1703/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 49 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 12 năm 1976
Số bằng: SL 883 bt Quyết định số: 574/Ttga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 50 Liệt sĩ: **TRẦN THANH TUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1968
Số bằng: Mm 607 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1969
- 51 Liệt sĩ: **TRẦN HUY PHONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968

Số bằng: BT 558 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1972

- 52 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỤNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Thịnh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: QA 520 bm Quyết định số: 450/Ttga ngày 20 tháng 11 năm 1975
- 53 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Thịnh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1967
Số bằng: HN 331 bm Quyết định số: 590/Ttga ngày 26 tháng 12 năm 1973
- 54 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỊNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thọ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 2G 719 km Quyết định số: 243/TTga ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 55 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÚNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thọ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: YM 717 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 56 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LIÊM**
Xã Đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Lai, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1966
Số bằng: QM 938 km Quyết định số: 854/TTga ngày 12 tháng 8 năm 1977
- 57 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUỐC AN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UB 440 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 58 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN MƯỜI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1971
Số bằng: 3S 172 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1977
- 59 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC GIÀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 2 năm 1985
Số bằng: BG 043 bt Quyết định số: 332/CTKT ngày 3 tháng 12 năm 1986
- 60 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duy Tân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1968
Số bằng: TM 101 bm Quyết định số: 204/Ttga ngày 19 tháng 11 năm 1969
- 61 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lợi, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 3G 549 km Quyết định số: 1211/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1978

- 62 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỒNG**
 Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: SN 994 bm Quyết định số: 32/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 63 Liệt sĩ: **PHẠM TÂM**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1971.
 Số bằng: F 807 km Quyết định số: 41/CTKT ngày 2 tháng 2 năm 1983
- 64 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN QUỚI**
 Xã Đội Phó, Nguyên quán: xã Phước Ty, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: 3T 283 km Quyết định số: 843/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 65 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÊNH**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: 6E 520 bm Quyết định số: 823/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1978
- 66 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1974
 Số bằng: 5H 607 bm Quyết định số: 420/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 67 Liệt sĩ: **MAI TRÍ DŨNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hữu, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: 3T 913 bm Quyết định số: 1717/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1977
- 68 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CẢO**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1967
 Số bằng: TI 485 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 69 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN XINH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: 2Đ 508 bm Quyết định số: 1130/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 70 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**
 Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Xuân Thanh, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1962
 Số bằng: ĐA 423 cm Quyết định số: 459/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1996
- 71 Liệt sĩ: **THỎ THẮNG**
 Giao liên viên, Nguyên quán: xã Xuân Tân, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: CL 884 cm Quyết định số: 74/CT/KT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 72 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN LỘC**
 Trưởng Ban chấp hành Nông hội xã, Nguyên quán: xã Long Phước huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1970

Số bằng: BR 516 cm Quyết định số: 276-CT/KT ngày 14 tháng 11 năm 1987

- 73 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐỆT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Minh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1966
Số bằng: Y 643 km Quyết định số: 72-CT/KT ngày 19 tháng 3 năm 1984
- 74 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÀN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, huyện Tân Uyên, tỉnh Thủ Dầu Một, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1974
Số bằng: 5H 607 bm Quyết định số: 420/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

TỈNH QUẢNG NINH

- 75 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN LỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Đức, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: ZF 250 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 76 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIÊN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Kim Sơn, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1950
Số bằng: XC 052 kp Quyết định số: 156/TTg ngày 11 tháng 9 năm 1967
- 77 Liệt sĩ: **HÀ QUÁN NGUYỄN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MT 024 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1970
- 78 Liệt sĩ: **BÙI QUỐC ĐẠT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Cọc 5, thị xã Hòn Gai, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KQ 307 bm Quyết định số: 587/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 79 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Chính, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 11 năm 1951
Số bằng: ZQ 2,399 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 80 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC BA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn Đông Triều, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GD 778 bm Quyết định số: 336/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1973
- 81 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bằng, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1948
Số bằng: ZL 821 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 1 tháng 8 năm 1958
- 82 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972

Số bằng: US 114 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

83 Liệt sĩ: **CAO KHÁNH ĐANG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 6 năm 1951

Số bằng: ĐT 004 kp Quyết định số: 629/TTg ngày 18 tháng 7 năm 1998

84 Liệt sĩ: **CAO VĂN OANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1972

Số bằng: EX 515 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1973

85 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN KHÁNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Hà, huyện An Thủy, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975

Số bằng: QH 809 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1976

86 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIÊM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1950

Số bằng: ES 148 bp Quyết định số: 1517/TTg ngày 30 tháng 11 năm 2001

87 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SÁU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1968

Số bằng: AG 519 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

88 Liệt sĩ: **PHẠM CAO BANG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Hà Lầm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1970

Số bằng: HA 793 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

89 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỆP**

Giao thông viên, Nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1954

Số bằng: XY 645 cp Quyết định số: 328/TTg ngày 1 tháng 7 năm 1958

90 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU VANG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Hải, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1971

Số bằng: OA 556 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1974

91 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THUYẾT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà An, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 2 năm 1985

Số bằng: BA 045 bt Quyết định số: 476/CTKT ngày 18 tháng 12 năm 1985

92 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN TIẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Hải, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1968

Số bằng: US 142 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

- 93 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tích Sơn, huyện Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1970
Số bằng: BL 874 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 1 năm 1972
- 94 Liệt sĩ: **TRẦN ANH ĐÀO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1973
Số bằng: OT 380 bm Quyết định số: 86/Ttga ngày 11 tháng 3 năm 1975
- 95 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Hà, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
Số bằng: ZH 943 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 96 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XẾ**
Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 2 năm 1947
Số bằng: DG 890 cp Quyết định số: 146/CTKT ngày 9 tháng 12 năm 1992
- 97 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHƯƠNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn Hà Lâm, thị xã Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1974
Số bằng: RB 609 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 98 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Bình Dương, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KQ 334 bm Quyết định số: 587/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 99 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẦN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EL 314 bm Quyết định số: 127/TTg ngày 10 tháng 4 năm 1973
- 100 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỂ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đức Chính, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GJ 883 bm Quyết định số: 504/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 101 Liệt sĩ: **BÙI TỐ ĐĂNG**
Du kích xã, Nguyên quán: Xã Trảng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 9 năm 1952
Số bằng: ZB 1,725 kp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 102 Liệt sĩ: **VŨ VĂN BÌNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 7Z 002 bt Quyết định số: 236/TTga ngày 04 tháng 4 năm 1979
- 103 Liệt sĩ: **CHÁU VÀ SÁNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng

Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 1 năm 1971
Số bằng: ĐT 737 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 21 tháng 02 năm 1973

- 104 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÝ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tiên Lăng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: LB 217 bm Quyết định số: 76/TTga ngày 26 tháng 02 năm 1974
- 105 Liệt sĩ: **TÔ VĂN LONG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tiên Lăng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1974
Số bằng: US 071 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 106 Liệt sĩ: **BÙI QUỐC ĐẠT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Cột 5, thị xã Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KQ 307 bm Quyết định số: 587/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 107 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIỀN CHỨC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Bình Ngọc, Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 2K 067 bm Quyết định số: 1313/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 108 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN XUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Vạn Hoa, huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AR 618 bm Quyết định số: 145/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1971
- 109 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1968
Số bằng: QH 897 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1976
- 110 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: RT 136 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976
- 111 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HUỲNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Vĩnh Thực, Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1968
Số bằng: AR 592 bm Quyết định số: 145/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1971
- 112 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1986
Số bằng: BI 535 bt Quyết định số: 10/CTKT ngày 7 tháng 1 năm 1987
- 113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Bình Ngọc, Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 2K 067 bm Quyết định số: 1313/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

- 114 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC SƯƠNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hồng Thái, Việt Yên, tỉnh Hà Bắc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
 Số bảng: US 069 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 115 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HẠ**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Cộng Hòa, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1969
 Số bảng: BB 938 bm Quyết định số: 12/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 116 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG DƯƠNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Cái Chiên, huyện Quảng Hà, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
 Số bảng: MI 567 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1970
- 117 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHÁNH**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 9 năm 1946
 Số bảng: XG 394 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 118 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HIỆP**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 4 năm 1954
 Số bảng: ZR 512 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 119 Liệt sĩ: **TY VĂN CHÂM**
 Chủ nhiệm xã, Nguyên quán: Thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1951
 Số bảng: XA 750 cp Quyết định số: 209/TTg ngày 1 tháng 6 năm 1959

TỈNH BẾN TRE

- 120 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN BE**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
 Số bảng: 6L 385 bm Quyết định số: 911/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1978
- 121 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHO**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1972
 Số bảng: DC 685 km Quyết định số: 087/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992
- 122 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG GẮM**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1986
 Số bảng: BQ 171 bt Quyết định số: 278/CTKT ngày 14 tháng 11 năm 1987
- 123 Liệt sĩ: **LIÊU THỊ THUYỀN**
 Nhân viên phòng y tế huyện, Nguyên quán: xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1962
 Số bảng: AT 144 cm Quyết định số: 281/CTKT ngày 22 tháng 7 năm 1985

- 124 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Phường 2, Thành Phố Mỹ Tho, Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 8H 769 bm Quyết định số: 376/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1979
- 125 Liệt sĩ: **TRƯƠNG TẤN LÂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1968
Số bằng: AF 303 bm Quyết định số: 259/CTKT ngày 25 tháng 7 năm 1984
- 126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔN**
Tiểu tổ trưởng Đảng, cán sự nông dân, Nguyên quán: xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1962
Số bằng: R 835 cm Quyết định số: 391/CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1983
- 127 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN ĐÓC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nhơn Thạnh, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1971
Số bằng: X 535 km Quyết định số: 36/CTKT ngày 15 tháng 2 năm 1984
- 128 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DUYÊN**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Giao Thạnh, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1971
Số bằng: CU 305 km Quyết định số: 169/CTKT ngày 1 tháng 7 năm 1991
- 129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHẢI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 3V 889 km Quyết định số: 368/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1980
- 130 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ RỰC**
Tổ trưởng giao liên xã, Nguyên quán: xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 4I 875 cm Quyết định số: 344/TTGa ngày 12 tháng 5 năm 1980
- 131 Liệt sĩ: **CAO VĂN TRÀ**
Trưởng trạm giao liên xã, Nguyên quán: xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 4E 324 cm Quyết định số: 783/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1979
- 132 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TRIỀU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 9P 284 bm Quyết định số: 344/TTGa ngày 12 tháng 5 năm 1980
- 133 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÂN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 3O 498 km Quyết định số: 270/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1979
- 134 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHÁNH**

Trưởng công an xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 2 năm 1948
Số bằng: TC 944 cp Quyết định số: 258/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1979

135 Liệt sĩ: **VÕ TRUNG PHỐ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 3 năm 1948
Số bằng: 1TC 306 bp Quyết định số: 220/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1979

136 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHƯƠNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 5 năm 1947
Số bằng: 1TC 291 bp Quyết định số: 220/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1979

137 Liệt sĩ: **HỒ VĂN NGHI**

Chiến sĩ An ninh vũ trang tỉnh, Nguyên quán: xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 3R 434 cm Quyết định số: 104/TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1979

138 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỐT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 7G 585 bm Quyết định số: 1319/TTGa ngày 22 tháng 11 năm 1978

139 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 7G 537 bm Quyết định số: 1357/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1978

140 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1950
Số bằng: 1HC 783bp Quyết định số: 818/TTGa ngày 28 tháng 7 năm 1978

141 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RỜI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 5Z 912 bm Quyết định số: 778/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1978

142 Liệt sĩ: **CAO VĂN HÓA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 5I 854 bm Quyết định số: 449/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1978

143 Liệt sĩ: **PHAN VĂN VUI**

Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 2O 069 km Quyết định số: 411/TTGa ngày 26 tháng 4 năm 1978

144 Liệt sĩ: **TÀI VĂN TƯƠI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh

Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 5E 452 bm Quyết định số: 502/TTGa ngày 17 tháng 5 năm 1978

145 Liệt sĩ: **HÒ VẤN HẢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 4V 612 bm Quyết định số: 205/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978

146 Liệt sĩ: **VÕ VĂN XUÔNG**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 3U 866 bm Quyết định số: 7750/TTGa ngày 21 tháng 12 năm 1977

147 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1963
Số bằng: 3Q 955 bm Quyết định số: 1643/TTGa ngày 5 tháng 12 năm 1977

148 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CỪNG**

Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Lương Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 1K 289 km Quyết định số: 1578/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977

149 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HẢI**

Trưởng ban giao liên xã, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1965
Số bằng: 1O 206 cm Quyết định số: 1404/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977

150 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hưng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 7N 512 bm Quyết định số: 1440/TTGa ngày 18 tháng 12 năm 1978

151 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN THÀNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 6E 495 bm Quyết định số: 833/TTGa ngày 31 tháng 7 năm 1978

152 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DŨNG**

Quản lý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 8 năm 1987
Số bằng: CP 868 bt Quyết định số: 51/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991

153 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THỊ TIẾT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1973
Số bằng: 5E 555 bm Quyết định số: 502/TTGa ngày 17 tháng 5 năm 1978

154 Liệt sĩ: **HÒ VẤN HUNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 4I 003 bm Quyết định số: 72/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1978

- 155 Liệt sĩ: **VĂN LỘC ĐEO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quới Điền, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 3E 564 bm Quyết định số: 1622/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 156 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÀNG**
Trưởng ban cơ sở ấp, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1962
Số bằng: BL 086 cm Quyết định số: 144/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1987
- 157 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TÂN**
Đội viên du kích ấp, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1969
Số bằng: DG 223 km Quyết định số: 207/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1992
- 158 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN DÔI**
Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1962
Số bằng: CV 944 cm Quyết định số: 045/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 159 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HÈN**
Cán bộ ban binh vận xã, Nguyên quán: xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1962
Số bằng: CV 945 cm Quyết định số: 045/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 160 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YẾN**
Ban kiểm tra huyện, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 6 năm 1949
Số bằng: BX 177 cp Quyết định số: 04/CTKT ngày 11 tháng 1 năm 1989
- 161 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỘT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 10 năm 1986
Số bằng: Bt 409 bt Quyết định số: 214/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988
- 162 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHỀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: 6B 170 mb Quyết định số: 797/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1978
- 163 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KE**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1961
Số bằng: 3G 555 km Quyết định số: 1211/TTGa ngày 23 tháng 10 năm 1978
- 164 Liệt sĩ: **PHẠM THẾ SƯƠNG**
Cán bộ tài chính xã, Nguyên quán: xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AN 880 cm Quyết định số: 79/CTKT ngày 6 tháng 3 năm 1985
- 165 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MAI**

Cán bộ nông hội ấp, Nguyên quán: xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970

Số bằng: X 600 cm Quyết định số: 36/CTKT ngày 15 tháng 2 năm 1984

166 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGON**

Cán bộ Binh vận xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1956

Số bằng: X 603 cm Quyết định số: 36/CTKT ngày 15 tháng 2 năm 1984

167 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỶ**

Cán bộ tài chính xã, Nguyên quán: xã Mỹ Thành, thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1954

Số bằng: K 889 cp Quyết định số: 161/CTKT ngày 5 tháng 1 năm 1983

168 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHƠM**

Trưởng ban an ninh thị trấn, Nguyên quán: xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969

Số bằng: AG 337 cm Quyết định số: 279/CTKT ngày 5 tháng 9 năm 1984

169 Liệt sĩ: **THÁI VĂN RẮC**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1974

Số bằng: 9Z 333 bm Quyết định số: 729/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

170 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỰU**

Bí Thư, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1958

Số bằng: 9G 771 cm Quyết định số: 21/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

171 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TRÒN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1973

Số bằng: 3T 260 km Quyết định số: 843/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

172 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRƯU**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1964

Số bằng: 2T 259 km Quyết định số: 843/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

173 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LÔ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1967

Số bằng: 8U 807 bm Quyết định số: 730/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

174 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUÊ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thạnh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 12 năm 1950

Số bằng: 1XC 593bp Quyết định số: 549/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

175 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DẠM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến

Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 8N 939 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

- 176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƯỜI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 7Y 126 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1979
- 177 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TƯ**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1971
Số bằng: 7T 442 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1979
- 178 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TƯƠI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 1 năm 1979
Số bằng: CP 878 bt Quyết định số: 51/CTKT ngày 3 tháng 2 năm 1991
- 179 Liệt sĩ: **MAI VĂN DUỖNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 6H 583 bm Quyết định số: 869/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 180 Liệt sĩ: **LÊ VĂN AI**
Bí thư chi bộ ấp, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1972
Số bằng: 3D 787 cm Quyết định số: 869/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 181 Liệt sĩ: **THÁI VĂN CHÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1971
Số bằng: 6E 352 bm Quyết định số: 838/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978
- 182 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ÚT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 5Z 958 bm Quyết định số: 778/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1978
- 183 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LÃM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1972
Số bằng: 6A 312 bm Quyết định số: 892/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 184 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TRƯỜNG**
Nhân viên bưu điện tỉnh, Nguyên quán: xã Bình Khánh Đông, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1965
Số bằng: 2Z 593 cm Quyết định số: 801/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1978
- 185 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHƯỚC**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 2S 238 km Quyết định số: 736/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1978

- 186 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÁNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1974
Số bằng: 5T 739 bm Quyết định số: 674/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1978
- 187 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐÁ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 2U 370 km Quyết định số: 660/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1978
- 188 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG NGÔN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1952
Số bằng: 1OC 959bp Quyết định số: 1340/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 189 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THÀNH**
Bí thư chi bộ ấp, Nguyên quán: xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1973
Số bằng: 2P 870 cm Quyết định số: 398/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1978
- 190 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÁNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1971
Số bằng: 4I 137 bm Quyết định số: 72/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1978
- 191 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 4I 078 bm Quyết định số: 72/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1978
- 192 Liệt sĩ: **VÕ VĂN BÁ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1949
Số bằng: YC 004 bp Quyết định số: 11/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 193 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỸ NHỎ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1965
Số bằng: 3K 281 bm Quyết định số: 1772/TTga ngày 26 tháng 12 năm 1977
- 194 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THÔI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1973
Số bằng: 2B 944 km Quyết định số: 1772/TTga ngày 26 tháng 12 năm 1977
- 195 Liệt sĩ: **CHẾ VĂN HUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3X 728 bm Quyết định số: 1779/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1978

- 196 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIẾT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Nhuận, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 1K 324 bm Quyết định số: 1578/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 197 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RẠNG**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1972
Số bằng: 1S 247 km Quyết định số: 1683/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1977
- 198 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ON**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1977
Số bằng: 3E 773 bm Quyết định số: 1524/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 199 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Tổ trưởng du kích mật, Nguyên quán: xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 1S 179 km Quyết định số: 1683/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1977
- 200 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 3E 880 bm Quyết định số: 1524/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 201 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 2R 821 bm Quyết định số: 1487/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 202 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DIỆU**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1960
Số bằng: 1O 168 cm Quyết định số: 1404/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 203 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN QUÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1964
Số bằng: 5Y 901 bm Quyết định số: 778/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1978
- 204 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SANH**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 2L 570 km Quyết định số: 272/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 205 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIẾN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 1983
Số bằng: AG 453 bt Quyết định số: 317/CTKT ngày 26 tháng 9 năm 1984
- 206 Liệt sĩ: **HỒ MINH TRÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến

Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 2 năm 1984
Số bằng: BM 953 bt Quyết định số: 251/CTKT ngày 28 tháng 10 năm 1987

- 207 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÀI**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1963
Số bằng: 6N 022 cm Quyết định số: 42/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 208 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN HUỖNH**
Trưởng ban tài chính ấp, Nguyên quán: xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1970
Số bằng: 2Z 123 cm Quyết định số: 739/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978
- 209 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẬN**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 2M 403 cm Quyết định số: 281/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 210 Liệt sĩ: **TRẦN THANH HUỖN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 4N 668 bm Quyết định số: 160/TTga ngày 24 tháng 2 năm 1978
- 211 Liệt sĩ: **TRẦN THANH LONG**
Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hựu, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1973
Số bằng: CR 915 bm Quyết định số: 110/CTKT ngày 1 tháng 4 năm 1991
- 212 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 9 năm 1947
Số bằng: 1SC 228 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 213 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LĂNG**
Cán bộ nội tuyến, Nguyên quán: xã Kiền Lễ, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1947
Số bằng: 1SC 539 cp Quyết định số: 76/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1979
- 214 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN QUẢN**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 3O 390 km Quyết định số: 261/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979
- 215 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐẠT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 7N 296 mm Quyết định số: 1475/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 216 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỀ**
Cán bộ cơ sở ấp, Nguyên quán: xã Quân Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1971
Số bằng: 1U 888 mm Quyết định số: 1536/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977

- 217 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 6L 358 bm Quyết định số: 919/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1978
- 218 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XIÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1970
Số bằng: BM 495 km Quyết định số: 229/CTKT ngày 14 tháng 10 năm 1987
- 219 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIẾP**
Đội viên du kích ấp, Nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1972
Số bằng: 3O 574 km Quyết định số: 284/TTga ngày 23 tháng 1 năm 1979
- 220 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN SÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 1 năm 1947
Số bằng: 1RC 086bp Quyết định số: 1475/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 221 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 7N 243 bm Quyết định số: 1475/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 222 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƠ**
Cán bộ ban binh vận tỉnh, Nguyên quán: xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1971
Số bằng: 3A 919 cm Quyết định số: 841/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978
- 223 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 4E 186 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1978
- 224 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HIẾN**
Ủy viên quân sự xã, Nguyên quán: xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 8 năm 1947
Số bằng: SC 055 kp Quyết định số: 729/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980
- 225 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CHÍNH**
Cán bộ nội tuyến, Nguyên quán: xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1964
Số bằng: AD 584 cm Quyết định số: 210/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984

TỈNH YÊN BÁI

- 226 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN OI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1954

Số bằng: MC 427 bp Quyết định số: 14TTga ngày 18 tháng 01 năm 1975

227 Liệt sĩ: **HOÀNG HẢI CHĂNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9G 983 bt Quyết định số: 35 TTga ngày 14 tháng 01 năm 1980

228 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HIỂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm 1946
Số bằng: MX 354bp Quyết định số: 232 TTga ngày 25 tháng 7 năm 1962

229 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH TÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BG 711 bm Quyết định số: 36 TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972

230 Liệt sĩ: **TÔ VĂN BẢY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây An, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 02 năm 1954
Số bằng: XH 343 bp Quyết định số: 283 TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

231 Liệt sĩ: **TẠ VĂN HÀO**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 01 năm 1954
Số bằng: ZF 051 bp Quyết định số: 171 TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

232 Liệt sĩ: **VŨ HỮU CAO**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Minh Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1953
Số bằng: AC 856 kp Quyết định số: 39 TTga ngày 17 tháng 2 năm 1970

233 Liệt sĩ: **PHAN HOÁN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 5 năm 1949
Số bằng: NX 235 bp Quyết định số: 23 TTga ngày 02 tháng 02 năm 1963

234 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC TRÚC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VP 324 bm Quyết định số: 305 TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

235 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐOÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đoan Hùng, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: OX 114 bp Quyết định số: 207 T.Tga ngày 14 tháng 11 năm 1963

236 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9H 022 bt Quyết định số: 35 TTga ngày 14 tháng 01 năm 1980

- 237 Liệt sĩ: **LÒ VĂN KINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 01 năm 1946
Số bằng: MC 617b1p Quyết định số: 109 TTga ngày 27 tháng 3 năm 1975
- 238 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đoan Hùng, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9H 020 Quyết định số: 35 T.Tga ngày 14 tháng 01 năm 1980
- 239 Liệt sĩ: **VŨ THỊ MAI**
Công nhân, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HM 954cm Quyết định số: 456 T.Tga ngày 04 tháng 11 năm 1972
- 240 Liệt sĩ: **HOÀNG QUANG VŨ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tâm, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1954
Số bằng: KX 209 bp Quyết định số: 414 TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961
- 241 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 7AA 017 bt Quyết định số: 316 T.Tga ngày 09 tháng 7 năm 1981
- 242 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH THƯ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đồng Tâm, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 02 năm 1950
Số bằng: XL 676 kp Quyết định số: 414 TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961
- 243 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH TÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9H 074 bt Quyết định số: 35 T.Tga ngày 14 tháng 01 năm 1980
- 244 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 02 năm 1972
Số bằng: YE 770 bm Quyết định số: 409 TTga ngày 11 tháng 5 năm 1977
- 245 Liệt sĩ: **HÀ VĂN YNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1951
Số bằng: HC 105 bp Quyết định số: 132 Ttga ngày 18 tháng 4 năm 1972
- 246 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CHỈ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: BC 335 kp Quyết định số: 195 TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974
- 247 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LONG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh

Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: KX 212 bp Quyết định số: 414 TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961

248 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC DƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9G 992 bt Quyết định số: 35 TTga ngày 14 tháng 01 năm 1980

249 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CÁCH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1975
Số bằng: YE 782 bm Quyết định số: 409 TTga ngày 11 tháng 5 năm 1977

250 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ CHUNG**

Cán bộ, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1950
Số bằng: AC 995 cp Quyết định số: 14 TTga ngày 18 tháng 01 năm 1975

251 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN THIẾT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9H 091 bt Quyết định số: 35 TTga ngày 14 tháng 01 năm 1980

252 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TUYỀN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
Số bằng: TR 190 bm Quyết định số: 126 TTga ngày 09 tháng 3 năm 1977

253 Liệt sĩ: **HÀ VĂN SƠN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1972
Số bằng: YK 521 bm Quyết định số: 398 TTga ngày 09 tháng 5 năm 1977

254 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1951
Số bằng: HC 103 bp Quyết định số: 132 TTga ngày 18 tháng 4 năm 1972

255 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1972
Số bằng: ĐY 824 bm Quyết định số: 97 TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

256 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BẢY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1984
Số bằng: AL 932 bt Quyết định số: 04 CTKT ngày 02 tháng 01 năm 1985

257 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TẮC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1950
Số bằng: HC 102 bp Quyết định số: 132 TTga ngày 18 tháng 4 năm 1972

- 258 **Liệt sĩ: HÀ TIỀN CƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn A, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 01 năm 1969
Số bằng: AL 406 bm Quyết định số: 77 TTga ngày 02 tháng 4 năm 1971
- 259 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN GIỒNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1969
Số bằng: BH 075 bm Quyết định số: 281 TTga ngày 30 tháng 11 năm 1975
- 260 **Liệt sĩ: LÝ HIỆU MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1969
Số bằng: MR 103 bm Quyết định số: 238 TTga ngày 08 tháng 11 năm 1970
- 261 **Liệt sĩ: CAO VĂN HỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoa Lư, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1967
Số bằng: ĐN 382 bm Quyết định số: 483 TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972
- 262 **Liệt sĩ: TRIỆU TIỀN GIAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GL 995 bm Quyết định số: 375 /TTga ngày 27 tháng 8 năm 1973
- 263 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN DẮT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1968
Số bằng: BG 706 bm Quyết định số: 36 TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972
- 264 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN NĂNG**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 8 năm 1948
Số bằng: XL 150 bp Quyết định số: 430 TTg ngày 06 tháng 9 năm 1958
- 265 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN CẦU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1945
Số bằng: EI 984 kp Quyết định số: 1243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2000
- 266 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1949
Số bằng: BX 442 bp Quyết định số: 239TTg ngày 13 tháng 10 năm 1960
- 267 **Liệt sĩ: NÔNG VĂN NGUYỄN**
Đội viên, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 9 năm 1947
Số bằng: XY 145 cp Quyết định số: 551TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 268 **Liệt sĩ: PHAN VĂN VÍT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Phương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1950
Số bằng: GX 442 bp Quyết định số: 100 TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961

269 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GL 151 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1973

270 Liệt sĩ: **NGỌC VĂN HÙNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quy Mông, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GJ 726 bm Quyết định số: 544 /TTga ngày 06 tháng 12 năm 1973

271 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Đồng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: BX 479 bp Quyết định số: 239 TTg ngày 13 tháng 10 năm 1960

272 Liệt sĩ: **HÀ ĐẠI MÂY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Đồng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 71
Số bằng: CP 738 bm Quyết định số: 321 TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972

273 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN HẠC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Dụ Hạ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: YK 533 bm Quyết định số: 398 TTga ngày 09 tháng 5 năm 1977

274 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CHAO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Dụ Hạ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RB 538 bm Quyết định số: 207 T.Tga ngày 28 tháng 5 năm 1976

275 Liệt sĩ: **ĐẶNG GIAO SINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Dụ Hạ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MZ 084 bm Quyết định số: 311 TTga ngày 30 tháng 12 năm 1970

276 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỊNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Bảo, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1968
Số bằng: ĐT 439 bm Quyết định số: 59 TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

277 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH QUÝ**

Huyện trưởng công an, Nguyên quán: thị xã Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1953
Số bằng: XY 512 cp Quyết định số: 283 TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

278 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC TÂN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 3 năm 2003

- Số bằng: GE 999 btt Quyết định số: 1077/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2003
- 279 Liệt sĩ: **VŨ HỒNG ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Tiến, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1968
Số bằng: QN 273 bm Quyết định số: 99-TTga ngày 23 tháng 3 năm 1976
- 280 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN THU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Tiến, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1971
Số bằng: TR 319 bm Quyết định số: 126-T.Tga ngày 09 tháng 3 năm 1977
- 281 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Bảo, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 5S 036 bm Quyết định số: 715 T.Tga ngày 05 tháng 7 năm 1978
- 282 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Bảo, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1969
Số bằng: TR 260 bm Quyết định số: 126 T.Tga ngày 09 tháng 3 năm 1977
- 283 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HỒNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Chấn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 01 năm 1952
Số bằng: XD 318 bp Quyết định số: 170 TTg ngày 01 tháng 4 năm 1958
- 284 Liệt sĩ: **MA NGỌC SỬU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cảm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: TR 165 bm Quyết định số: 126 TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 285 Liệt sĩ: **VI VĂN VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo ái, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1970
Số bằng: CP 773 bm Quyết định số: 321 TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 286 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hưng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1969
Số bằng: MV 604 bm Quyết định số: 15 T.Tga ngày 20 tháng 01 năm 1971
- 287 Liệt sĩ: **LƯU CAO MẠCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hưng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MP 992 bmm Quyết định số: 238 TTga ngày 01 tháng 10 năm 1970
- 288 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RB 501 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

- 289 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HỢI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hưng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 4 năm 1983
 Số bằng: AG 217 btt Quyết định số: 287 CTKT ngày 29 tháng 8 năm 1984
- 290 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN THƠ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hưng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1973
 Số bằng: KD 056 bm Quyết định số: 551/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973
- 291 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LOAN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hưng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1973
 Số bằng: LT 920 bm Quyết định số: 324 T.Tga ngày 25 tháng 6 năm 1974
- 292 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN THU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hưng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 10 năm 1979
 Số bằng: 5AA 367 bt Quyết định số: 219 TTga ngày 08 tháng 6 năm 1981
- 293 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VĨNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hưng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 01 năm 1972
 Số bằng: GP 868 bm Quyết định số: 370T.Tga ngày 23 tháng 8 năm 1973
- 294 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hưng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1973
 Số bằng: GL 067 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1973
- 295 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÁI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phú, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: RB 553 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 296 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN PHÉ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Thắng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 6 năm 1950
 Số bằng: XB 424 kp Quyết định số: 01 TTg ngày 05 tháng 01 năm 1959
- 297 Liệt sĩ: **VŨ NUNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao Hùng, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 6 năm 1949
 Số bằng: ZZ 258 bp Quyết định số: 04 TTg ngày 04 tháng 01 năm 1961
- 298 Liệt sĩ: **DƯƠNG KIM TOÀN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Thắng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: YP 019 bm Quyết định số: 397 T.Tga ngày 09 tháng 5 năm 1977
- 299 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN ĐA**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh

- trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 11 năm 1947
Số bằng: EY 676 kpp Quyết định số: 687/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2002
- 300 Liệt sĩ: **ĐOÀN THÈ HÙNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Thắng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: YK 562 bm Quyết định số: 398 T.Tga ngày 09 tháng 5 năm 1977
- 301 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Thắng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 7 năm 1966
Số bằng: MS 036 bm Quyết định số: 269/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970
- 302 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC CƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Thắng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MT 181 bm Quyết định số: 272 TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970
- 303 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Thắng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: XD 320 bp Quyết định số: 170 TTga ngày 01 tháng 4 năm 1958
- 304 Liệt sĩ: **TRIỆU QUÝ THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phú, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9A 615 bt Quyết định số: 785 TTga ngày 12 tháng 11 năm 1979
- 305 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN MẾN**
Cán bộ đội công tác huyện ủy Mường Khương, Nguyên quán: thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 4K 068 ct Quyết định số: 302 TTga ngày 25 tháng 04 năm 1980
- 306 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN Ô**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thắng Lợi, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XM 314bp Quyết định số: 01/TTg ngày 05 tháng 01 năm 1959
- 307 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY LỰC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MH 514bm Quyết định số: 108 T.Tga ngày 07 tháng 5 năm 1970
- 308 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trúc Lâu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BL 993 bm Quyết định số: 55 T.Tga ngày 09 tháng 02 năm 1972
- 309 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MS 035 bm Quyết định số: 269 T.Tga ngày 14 tháng 11 năm 1970

- 310 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: CP 777 bm Quyết định số: 321 TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972
- 311 Liệt sĩ: **HOÀNG THÚY KIM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: MV 602bm Quyết định số: 15 TTga ngày 20 tháng 01 năm 1971
- 312 Liệt sĩ: **TRIỆU KIM TÙY**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
 Số bằng: GL 059 bm Quyết định số: 290 TTga ngày 09 tháng 7 năm 1973
- 313 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VÈ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Thượng, Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1970
 Số bằng: YK 679 bm Quyết định số: 398 T.Tga ngày 09 tháng 5 năm 1977
- 314 Liệt sĩ: **HỨA VĂN HÀM**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Sơn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 3 năm 1949
 Số bằng: ZD 693 bp Quyết định số: 171 TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 315 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CỬ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Sơn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 10 năm 1948
 Số bằng: XY 017 bp Quyết định số: 331 TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 316 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG HẢI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 01 năm 1970
 Số bằng: VH 240 bm Quyết định số: 231 TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977
- 317 Liệt sĩ: **LƯỜNG KIM TUYẾN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Ca, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: PM 666 bm Quyết định số: 133 TTga ngày 15 tháng 8 năm 1969
- 318 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN QUẾ**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 02 năm 1966
 Số bằng: QX 133 bm Quyết định số: 179 TTga ngày 12 tháng 12 năm 1966
- 319 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TÍA**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: ĐY 846 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

- 320 Liệt sĩ: **LÒ VĂN TEM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: AP 594 bm Quyết định số: 162 TTga ngày 06 tháng 7 năm 1971
- 321 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÊM**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 02 năm 1968
 Số bằng: BG 705 bm Quyết định số: 36 T.Tga ngày 27 tháng 01 năm 1972
- 322 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TÌNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Nghĩa Lộ, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1984
 Số bằng: AL 940 bt Quyết định số: 04 CT/KT ngày 02 tháng 01 năm 1985
- 323 Liệt sĩ: **ĐỒNG XUÂN LỰU**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phong, huyện An Thủy, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: QH 707 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1976

TỈNH CAO BẰNG

- 324 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BÀO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: RH 768 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976
- 325 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG TUẤN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phố Thị Xuân, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: QR 276 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1976
- 326 Liệt sĩ: **VI THẾ HUÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: EQ 121 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973
- 327 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG MÓN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1971
 Số bằng: HS 449 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973
- 328 Liệt sĩ: **TRIỆU VĂN NHA**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: 1U 050 bm Quyết định số: 902/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 329 Liệt sĩ: **BÈ VĂN THÚY**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: LD 025 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1969

- 330 Liệt sĩ: **MÔNG VĂN HỢP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Tiến, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1964
Số bằng: PX 080 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1965
- 331 Liệt sĩ: **KHUƠNG VĂN LONG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phố cũ, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EF 385 bm Quyết định số: 256/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973
- 332 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN CẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 1T 076 bm Quyết định số: 911/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 333 Liệt sĩ: **BÙI KHẮC KHUÊ**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Phú Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1970
Số bằng: HM 147 cm Quyết định số: 66/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971
- 334 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÁN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quy Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
Số bằng: ĐV 486 bm Quyết định số: 76/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 335 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CÔNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Quang, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EO 871 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973
- 336 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN SỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đoài Khôn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GK 646 bm Quyết định số: 335/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 337 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN THỦY**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1945
Số bằng: XY 889 kp Quyết định số: 134/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1958
- 338 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THÀI**
C trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 11 năm 1949
Số bằng: XP 978 bp Quyết định số: 130/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1959
- 339 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN ĐỐI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1970
Số bằng: EO 913 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

- 340 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN SÀI**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: MH 812 bm Quyết định số: 114/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 341 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN ƯỚC**
 Tiểu đội phó Đội võ trang, Nguyên quán: xã Trương Lương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1945
 Số bằng: LC 141 bp Quyết định số: 359/TTGa ngày 18 tháng 8 năm 1973
- 342 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN HỒ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1973
 Số bằng: QB 940 bm Quyết định số: 479/TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1975
- 343 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN ON**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
 Số bằng: ĐC 311 bp Quyết định số: 41/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 344 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN SÁCH**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: ĐV 473 bm Quyết định số: 76/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 345 **Liệt sĩ: HOÀNG MẠNH THẮNG**
 Trung sĩ Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Quang Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1980
 Số bằng: 5V 614 cm Quyết định số: 316/TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1981
- 346 **Liệt sĩ: LÝ VĂN LONG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: Bn 564 bm Quyết định số: 58/TTGa ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 347 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN DÌM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: AT 380 bm Quyết định số: 183/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1971
- 348 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN TỐN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Càn Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: LD 018 bm Quyết định số: 81/TTGa ngày 2 tháng 3 năm 1974
- 349 **Liệt sĩ: LƯU VĂN PHÚC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Càn Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1979
 Số bằng: 8V 963 bm Quyết định số: 717/Ttga ngày 13 tháng 10 năm 1979

- 350 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN THU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cần Yên, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: D 677 km Quyết định số: 042/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1983
- 351 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ XÁY**
Cán bộ chính trị xã, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946
Số bằng: XB 036 cp Quyết định số: 337/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1961
- 352 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN XUA**
Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Hạ Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 4N 013 cm Quyết định số: 78/Ttga ngày 9 tháng 3 năm 1981
- 353 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN XÀO**
Chiến sĩ dân quân, Nguyên quán: xã Hạ Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 3R 661 km Quyết định số: 537/TTga ngày 23 tháng 7 năm 1979
- 354 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN THÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1973
Số bằng: NG 865 bm Quyết định số: 306/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974
- 355 Liệt sĩ: **NÔNG THANH SỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9Q 101 bm Quyết định số: 418/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1980
- 356 Liệt sĩ: **ĐÀM ĐÌNH HUẤN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1975
Số bằng: VR 194 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 357 Liệt sĩ: **LÂN VĂN RÉN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 2 năm 1945
Số bằng: Hx 760 bp Quyết định số: 337/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1961
- 358 Liệt sĩ: **LÂN VĂN TÂN**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1944
Số bằng: XB 040 cp Quyết định số: 337/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1961
- 359 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TÀI**
Ủy viên thư ký xã, Nguyên quán: xã Nà Sác, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1979
Số bằng: 4N 010 cm Quyết định số: 078/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1981

- 360 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 4B 070 cm Quyết định số: 609/TTga ngày 27 tháng 8 năm 1979
- 361 Liệt sĩ: **NÔNG MINH QUYẾT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nà Sác, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1971
Số bằng: YK 501 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1977
- 362 Liệt sĩ: **SÀM VĂN THÈN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: EQ 062 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973
- 363 Liệt sĩ: **TRIỆU VĂN PHÙNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nà Sác, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1974
Số bằng: QR 302 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1976
- 364 Liệt sĩ: **NÔNG KIM TIỀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1969
Số bằng: LQ 995 bm Quyết định số: 224/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1974
- 365 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN HIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Phúc, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 7AA 836 bm Quyết định số: 051CTKT ngày 23 tháng 10 năm 1981
- 366 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN LỘC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vân Trình, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1950
Số bằng: XD 538 kp Quyết định số: 329TTg ngày 1 tháng 9 năm 1959
- 367 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LANH**
Giáo viên cấp II, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 4L 764 ct Quyết định số: 648/Ttga ngày 8 tháng 10 năm 1980
- 368 Liệt sĩ: **BẾ ĐỨC THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CA 531 bm Quyết định số: 127/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1972
- 369 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN HOÀNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EQ 110 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

- 370 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN BÁO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GT 986 bm Quyết định số: 441/TTga ngày 11 tháng 10 năm 1973
- 371 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1969
Số bằng: AI 382 bm Quyết định số: 183/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1971
- 372 Liệt sĩ: **LÝ VĂN KHÁI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1971
Số bằng: GK 591 bm Quyết định số: 335/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 373 Liệt sĩ: **ĐINH QUỐC PHÒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9M 004 bt Quyết định số: 141/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 374 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN PHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 835 bt Quyết định số: 303/Ttga ngày 25 tháng 4 năm 1980
- 375 Liệt sĩ: **CHU HỮU MỪNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BS 313 bm Quyết định số: 127/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1972
- 376 Liệt sĩ: **LUONG VĂN SÀI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 1T 602 bm Quyết định số: 910/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 377 Liệt sĩ: **ĐINH QUỐC NGUYỄN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 8M 145 bm Quyết định số: 428/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 378 Liệt sĩ: **ĐINH THANH TÂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: AO 972 bm Quyết định số: 160/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971
- 379 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN NHỌT**
Tiểu đội trưởng dân quân, Nguyên quán: xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 3V 444 kt Quyết định số: 202/Ttga ngày 19 tháng 3 năm 1980

- 380 Liệt sĩ: **MA VĂN HỢP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: DX 867 bp Quyết định số: 53/TTGa ngày 8 tháng 2 năm 1961
- 381 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN THÁI**
Trung đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Canh Tân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 2 năm 1948
Số bằng: XC 921 kp Quyết định số: 257TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 382 Liệt sĩ: **CHU NGỌC TRÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 1U 064 bm Quyết định số: 902/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 383 Liệt sĩ: **VI VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hùng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1966
Số bằng: MA 396 bm Quyết định số: 47/TTGa ngày 14 tháng 2 năm 1970
- 384 Liệt sĩ: **HÀ VĂN COÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hùng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1970
Số bằng: ĐA 373 bm Quyết định số: 397/TTGa ngày 23 tháng 9 năm 1972
- 385 Liệt sĩ: **NGẠC VĂN LỢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hùng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 9K 011 bt Quyết định số: 17/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 386 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN DU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hùng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
Số bằng: EO 896 bm Quyết định số: 141/TTGa ngày 14 tháng 4 năm 1973
- 387 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN MAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hùng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: XQ 2,354 bp Quyết định số: 257/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 388 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hùng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9G 224 bt Quyết định số: 871/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1979
- 389 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN TÂM**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thị Ngần, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1970
Số bằng: ER 851 bm Quyết định số: 226/TTGa ngày 9 tháng 6 năm 1973
- 390 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NIẾT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thị Ngần, huyện Thạch An, tỉnh

Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1971
Số bằng: EL 377 bm Quyết định số: 153/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

391 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TĂNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thị Ngân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KH 906 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

392 Liệt sĩ: **NÔNG HỮU LANH**

Đội trưởng đội lâm nghiệp cốc bao, Nguyên quán: xã Lê Lai, huyện: Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 3 năm 1979
Số bằng: AX 910 ctt Quyết định số: 397CTKT ngày 25 tháng 10 năm 1985

393 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BÁO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: CB 006 bm Quyết định số: 127/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1972

394 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TRUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1970
Số bằng: CĐ 427 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1972

395 Liệt sĩ: **LÝ QUỐC BÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1967
Số bằng: RM 567 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 7 tháng 11 năm 1969

396 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN SÁY**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: XY 871 kp Quyết định số: 134/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1958

397 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN HOÀ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9L 957 bt Quyết định số: 141/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1980

398 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TRÍ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8Y 728 bt Quyết định số: 735/Ttga ngày 27 tháng 10 năm 1979

399 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN ĐOÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QR 971 bt Quyết định số: 128/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1976

400 Liệt sĩ: **LÊ THANH HOÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 1 năm 1971
Số bằng: EF 406 bm Quyết định số: 256/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Tiên Cẩm, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1955
Số bằng: GZ 368 km Quyết định số: 111/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2006

422 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN BẢO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Long, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 1T 015 bm Quyết định số: 911/TTGa ngày 22 tháng 8 năm 1977

423 Liệt sĩ: **NÔNG VĂN HOA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1972
Số bằng: EF 405 bm Quyết định số: 256/TTGa ngày 21 tháng 6 năm 1973

TỈNH LÂM ĐỒNG

424 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUYNH**

Giao thông viên, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: XB 099 cp Quyết định số: 329/TTg ngày 04 tháng 8 năm 1961

425 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 3X 946 km Quyết định số: 704/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1980

426 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHẬY**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quốc Toàn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 5S 245 bm Quyết định số: 851/TTGa ngày 02 tháng 8 năm 1978

427 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**

Nhân viên, Nguyên quán: xã Phương Đề, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 6 năm 1954
Số bằng: RM 485 cp Quyết định số: 666/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977

428 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ HỒNG**

Nhân viên, Nguyên quán: xã Phương Đề, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 4A 407 cm Quyết định số: 579/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1979

429 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG CHƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú An, huyện Phúc Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 6U 726 bm Quyết định số: 116/TTg ngày 11 tháng 10 năm 1979

430 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Xá, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LK 064 bm Quyết định số: 223/TTGa ngày 07 tháng 5 năm 1974

TỈNH TIỀN GIANG

- 1 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN BÓN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1969
Số bằng: LM 046 km Quyết định số: 592/TTg ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 2 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 4 năm 1952
Số bằng: CC 386 cp Quyết định số: 545/TTg ngày 08 tháng 6 năm 1977
- 3 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN QUYÊN**
Tinh ủy viên, Ủy viên UBNDCM tỉnh, Nguyên quán: xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1969
Số bằng: SM 465 cm Quyết định số: 604/TTg ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 4 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TƠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1G 150 bm Quyết định số: 601/TTg ngày 24 tháng 6 năm 1977
- 5 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHẠM**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
Số bằng: XM 355 cm Quyết định số: 713/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1977
- 6 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÒI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OM 568 km Quyết định số: 729/TTg ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 7 Liệt sĩ: **MAI VĂN BẢY**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1970
Số bằng: RM 975 km Quyết định số: 904/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 8 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHUNG**
Bí Thư xã, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 1Đ 456 cm Quyết định số: 906/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 9 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1962
Số bằng: YM 393 km Quyết định số: 1005/TTg ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 10 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MY**
Đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1962
Số bằng: 1P 511 km Quyết định số: 1356/TTg ngày 29 tháng 10 năm 1977

- 11 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỐT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 1P 499 km Quyết định số: 1432/TTg ngày 02 tháng 11 năm 1977

- 12 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SỎ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1963
Số bằng: 1P 971 km Quyết định số: 1566/TTg ngày 23 tháng 11 năm 1977

- 13 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÙNG**
Trưởng ban Binh Vận xã, Nguyên quán: xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 1Q 433 cm Quyết định số: 1438/TTg ngày 04 tháng 11 năm 1977

- 14 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIÊNG**
Trưởng Ban An ninh xã, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1967
Số bằng: 1Q 404 cm Quyết định số: 1431/TTg ngày 02 tháng 11 năm 1977

- 15 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH HỒNG**
Cán bộ An ninh xã, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 1Q 362 cm Quyết định số: 1431/TTg ngày 02 tháng 11 năm 1977

- 16 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TÔN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1967
Số bằng: 1P 446 km Quyết định số: 1432/TTg ngày 02 tháng 11 năm 1977

- 17 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BA**
Uy viên tài chánh xã, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 1Q 565 cm Quyết định số: 1438/TTg ngày 04 tháng 11 năm 1977

- 18 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TÀI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 2Z 281 bm Quyết định số: 1498/TTg ngày 16 tháng 11 năm 1977

- 19 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KHÔI**
Phó Bí thư xã, Nguyên quán: xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 2O 146 cm Quyết định số: 359/TTg ngày 07 tháng 4 năm 1978

- 20 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN BẢY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2X 983 bm Quyết định số: 1383/TTg ngày 02 tháng 11 năm 1977

- 21 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1963
Số bảng: 2Y 020 bm Quyết định số: 1397/TTg ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 22 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN TRĂNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1964
Số bảng: 1X 928 km Quyết định số: 1655/TTg ngày 07 tháng 12 năm 1977
- 23 **Liệt sĩ: LÊ VĂN HOÀNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1971
Số bảng: 3S 033 bm Quyết định số: 1632/TTg ngày 02 tháng 12 năm 1977
- 24 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968
Số bảng: 3S 217 bm Quyết định số: 1633/TTg ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 25 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HỚN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1968
Số bảng: 3S 875 bm Quyết định số: 1613/TTg ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 26 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN TRÒ**
Trung sĩ bệnh xá quân y tỉnh, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968
Số bảng: 3S 818 bm Quyết định số: 1614/TTg ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 27 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CHƠI**
Cán bộ binh vận huyện, Nguyên quán: xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1951
Số bảng: GC 138 cp Quyết định số: 1706/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 28 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN NĂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 9 năm 1966
Số bảng: 3S 697 bm Quyết định số: 1663/TTg ngày 07 tháng 12 năm 1977
- 29 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HAI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1966
Số bảng: 3Q 110 bm Quyết định số: 1727/TTg ngày 14 tháng 12 năm 1977
- 30 **Liệt sĩ: LƯU KIM NGUYỄN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1974
Số bảng: 3P 923 bm Quyết định số: 1612/TTg ngày 28 tháng 11 năm 1977

- 31 **Liệt sĩ: VÕ TRÍ EM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1963
 Số bằng: 3P 914 bm Quyết định số: 1612/TTg ngày 28 tháng 11 năm 1977

- 32 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN MUM**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: 3Z 685 bm Quyết định số: 1762/TTg ngày 23 tháng 12 năm 1977

- 33 **Liệt sĩ: BUI VĂN BON**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: 2Đ 191 km Quyết định số: 1801/TTg ngày 30 tháng 12 năm 1977

- 34 **Liệt sĩ: BUI VĂN RỒI**
 Cán bộ tài chánh xã, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1961
 Số bằng: 2E 562 cm Quyết định số: 1788/TTg ngày 30 tháng 12 năm 1977

- 35 **Liệt sĩ: PHAN VĂN DẠM**
 Cán bộ thông tin huyện, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1961
 Số bằng: 2E 563 cm Quyết định số: 1788/TTg ngày 30 tháng 12 năm 1977

- 36 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐỨC**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 4A 167 bm Quyết định số: 1801/TTg ngày 30 tháng 12 năm 1977

- 37 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN MÁY**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 12 năm 1964
 Số bằng: 4A 168 bm Quyết định số: 1801/TTg ngày 30 tháng 12 năm 1977

- 38 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KIÊM**
 Trưởng ban Thương binh xã hội xã, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: 2G 427 cm Quyết định số: 223/TTg ngày 10 tháng 3 năm 1978

- 39 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN TỶ**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1967
 Số bằng: 4Đ 706 bm Quyết định số: 50/TTg ngày 19 tháng 01 năm 1978

- 40 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN PHÓ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 4E 926 bm Quyết định số: 79/TTg ngày 27 tháng 01 năm 1978

- 41 **Liệt sĩ: CÔNG VĂN TÁNG**
 Phó Bí thư xã, Nguyên quán: xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1964
 Số bằng: 2H 479 cm Quyết định số: 49/TTg ngày 19 tháng 01 năm 1978
- 42 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN ĐÓM**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1961
 Số bằng: 2U 242 km Quyết định số: 645/TTg ngày 17 tháng 6 năm 1978
- 43 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHÓ**
 Bí thư xã, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1967
 Số bằng: 2H 580 cm Quyết định số: 49/TTg ngày 19 tháng 01 năm 1978
- 44 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BAY**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: 2E 357 km Quyết định số: 48/TTg ngày 19 tháng 01 năm 1978
- 45 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN PHÉP**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 12 năm 1948
 Số bằng: 1CC 877bp Quyết định số: 387/TTg ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 46 **Liệt sĩ: NGÔ PHÁT HƯNG**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hội, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1974
 Số bằng: 5B 440 bm Quyết định số: 388/TTg ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 47 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LỚN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1961
 Số bằng: 2N 072 km Quyết định số: 397/TTg ngày 21 tháng 4 năm 1978
- 48 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CHỪNG**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1964
 Số bằng: 2M 959 km Quyết định số: 489/TTg ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 49 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN THƠ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 12 năm 1970
 Số bằng: 5I 517 bm Quyết định số: 458/TTg ngày 08 tháng 5 năm 1978
- 50 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN CU**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: 2R 493 km Quyết định số: 564/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1978

- 51 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN RÔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 8H 880 bm Quyết định số: 407/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1979

- 52 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGÀN**
Cán bộ Ban tài chánh huyện, Nguyên quán: xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1949
Số bằng: OC 020 cp Quyết định số: 609/TTg ngày 07 tháng 6 năm 1978

- 53 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN KHÔI**
Trưởng tiểu ban mật vụ ấp, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 10 năm 1950
Số bằng: OC 044 cp Quyết định số: 575/TTg ngày 31 tháng 5 năm 1978

- 54 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 02 năm 1947
Số bằng: MC 461 kp Quyết định số: 575/TTg ngày 31 tháng 5 năm 1978

- 55 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NHƯỜNG**
Uy viên nông hội xã, Nguyên quán: xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1974
Số bằng: 2S 210 cm Quyết định số: 595/TTg ngày 07 tháng 6 năm 1978

- 56 Liệt sĩ: **HỒ VĂN ĐỐC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1964
Số bằng: 2T 591 km Quyết định số: 595/TTg ngày 07 tháng 6 năm 1978

- 57 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ANH**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2T 581 km Quyết định số: 595/TTg ngày 07 tháng 6 năm 1978

- 58 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHIÊU**
Bí thư Đoàn thanh niên xã, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1946
Số bằng: OC 336 cp Quyết định số: 608/TTg ngày 07 tháng 6 năm 1978

- 59 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂM**
Thiếu úy Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 2X 033 cm Quyết định số: 646/TTg ngày 17 tháng 6 năm 1978

- 60 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐIỂM**
Trưởng ban quân sự xã, Nguyên quán: xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 2U 412 km Quyết định số: 717/TTg ngày 05 tháng 7 năm 1978

.

.

- 61 **Liệt sĩ: LÊ MINH TÔNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 6 năm 1949
Số bằng: MC 757 kp Quyết định số: 646/TTg ngày 17 tháng 6 năm 1978
- 62 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN CÁC**
Trưởng ban tài vụ huyện, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 2S 945 cm Quyết định số: 658/TTg ngày 21 tháng 6 năm 1978
- 63 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐÓM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 5T 143 bm Quyết định số: 645/TTg ngày 17 tháng 6 năm 1978
- 64 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DŨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1963
Số bằng: 6A 762 bm Quyết định số: 846/TTg ngày 02 tháng 8 năm 1978
- 65 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 6A 700 bt Quyết định số: 846/TTg ngày 02 tháng 8 năm 1978
- 66 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN MÍCH**
Uy viên huyện đoàn TNCSHCM, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 2Z 890 cm Quyết định số: 784/TTg ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 67 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN HẸN**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 2Z 797 cm Quyết định số: 771/TTg ngày 19 tháng 7 năm 1978
- 68 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN CẦU**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 2Z 774 km Quyết định số: 884/TTg ngày 08 tháng 11 năm 1978
- 69 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHÁN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1960
Số bằng: 2Z 851 km Quyết định số: 907/TTg ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 70 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CHIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 6K 087 bm Quyết định số: 883/TTg ngày 11 tháng 8 năm 1978

- 71 Liệt sĩ: **THÁI VĂN LỜI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1952
Số bằng: 1KC 610bp Quyết định số: 907/TTg ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 72 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN QUỐI**
Phó ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3E 644 cm Quyết định số: 900/TTg ngày 29 tháng 5 năm 1978
- 73 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁU**
Uy viên quân sự xã, Nguyên quán: xã Phú Thành, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 10 năm 1947
Số bằng: NC 926 cp Quyết định số: 883/TTg ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 74 Liệt sĩ: **CAO VĂN NON**
Nhân viên tiếp liệu xã, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1947
Số bằng: QC 049 cp Quyết định số: 883/TTg ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 75 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1969
Số bằng: 6K 114 bm Quyết định số: 883/TTg ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 76 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐUA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1963
Số bằng: 6K 970 bm Quyết định số: 899/TTg ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 77 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TĂNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 6K 904 bm Quyết định số: 898/TTg ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 78 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN Y**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1947
Số bằng: 1KC 795bp Quyết định số: 911/TTg ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 79 Liệt sĩ: **LÊ VĂN GIÂY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 7E 339 bm Quyết định số: 1356/TTg ngày 29 tháng 11 năm 1978
- 80 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH TRÌ**
Cán bộ Ban binh vận xã, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 7 năm 1960
Số bằng: 3O 821 cm Quyết định số: 1356/TTg ngày 29 tháng 11 năm 1978

- 81 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MAI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1969
 Số bằng: 7E 375 bm Quyết định số: 1356/TTg ngày 29 tháng 11 năm 1978
- 82 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÉ NĂM**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: 7E 378 bm Quyết định số: 1356/TTg ngày 29 tháng 11 năm 1978
- 83 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN PAUL**
 Y tá, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1948
 Số bằng: 1NC 688bp Quyết định số: 1245/TTg ngày 01 tháng 11 năm 1978
- 84 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN UT**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 01 năm 1969
 Số bằng: 6Y 917 bm Quyết định số: 1245/TTg ngày 29 tháng 7 năm 1978
- 85 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÁM**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: 6Y 900 bm Quyết định số: 1245/TTg ngày 01 tháng 11 năm 1978
- 86 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRI**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: 6V 763 bm Quyết định số: 1193/TTg ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 87 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NƯƠNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1965
 Số bằng: 6U 681 bm Quyết định số: 1193/TTg ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 88 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÉ SÁU**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 6V 731 bm Quyết định số: 1193/TTg ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 89 Liệt sĩ: **HỒ BỬU HAI**
 Bí thư xã, Nguyên quán: xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: 3M 600 cm Quyết định số: 1235/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1978
- 90 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHEO**
 Y sĩ Bệnh viện QK7, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 7 năm 1950
 Số bằng: 1NC 634bp Quyết định số: 1245/TTg ngày 01 tháng 11 năm 1978

- 91 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGỔNG**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 6V 691 bm Quyết định số: 1193/TTg ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 92 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 6X 962 bm Quyết định số: 1206/TTg ngày 23 tháng 10 năm 1978
- 93 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TỬU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 6 năm 1952. Số bằng: 1SC 562 bp Quyết định số: 76/TTg ngày 17 tháng 01 năm 1979
- 94 Liệt sĩ: **LƯU VĂN TRỰC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 7U 698 bm Quyết định số: 120/TTg ngày 12 tháng 02 năm 1979
- 95 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÉ HAI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 7X 090 bm Quyết định số: 183/TTg ngày 09 tháng 3 năm 1979
- 96 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỤ**
Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 3H 565 km Quyết định số: 164/TTg ngày 28 tháng 02 năm 1979
- 97 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHẮC**
Trưởng công an xã, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 5 năm 1952
Số bằng: TC 663 cp Quyết định số: 170/TTg ngày 02 tháng 3 năm 1979
- 98 Liệt sĩ: **TÔN LONG XEM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 11 năm 1952
Số bằng: TC 122 bp Quyết định số: 164/TTg ngày 28 tháng 02 năm 1979
- 99 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÂM**
Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 3U 850 cm Quyết định số: 208/TTg ngày 26 tháng 3 năm 1979
- 100 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 7Y 235 bm Quyết định số: 233/TTg ngày 04 tháng 4 năm 1979

- 101 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẠN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 3O 165 km Quyết định số: 237/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1979
- 102 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SÁU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 01 năm 1966
Số bằng: 3O 183 km Quyết định số: 237/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1979
- 103 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1963
Số bằng: 7Y 314 bm Quyết định số: 208/TTg ngày 26 tháng 3 năm 1979
- 104 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LUNG**
Trung Đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1964
Số bằng: 8H 812 bm Quyết định số: 407/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1979
- 105 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NUÔI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1964
Số bằng: 8H 688 bm Quyết định số: 382/TTg ngày 28 tháng 5 năm 1979
- 106 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỊ**
Cán bộ giao liên huyện, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 8 năm 1956
Số bằng: 3X 440 cm Quyết định số: 376/TTg ngày 25 tháng 5 năm 1979
- 107 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TRỌNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8H 628 bm Quyết định số: 374/TTg ngày 25 tháng 5 năm 1979
- 108 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SÔ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1968
Số bằng: 8H 437 bm Quyết định số: 370/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1979
- 109 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LĂNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1949
Số bằng: 1UC 828bp Quyết định số: 364/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1979
- 110 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ BẦY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 8H 644 bm Quyết định số: 374/TTg ngày 25 tháng 5 năm 1979

- 111 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐƯỢC**
 Trưởng công an ấp, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong
 sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: 4B 219 cm Quyết định số: 679/TTg ngày 26 tháng 9 năm 1979
- 112 Liệt sĩ: **LÊ HOÀNG MAI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền
 Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 12 năm 1978
 Số bằng: 9L 504 bt Quyết định số: 151/TTg ngày 05 tháng 3 năm 1980
- 113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền
 Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 12 năm 1978
 Số bằng: 9L 556 bt Quyết định số: 151/TTg ngày 05 tháng 3 năm 1980
- 114 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KÍCH**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong
 sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1961
 Số bằng: 3Z 570 km Quyết định số: 36/TTg ngày 21 tháng 01 năm 1981
- 115 Liệt sĩ: **BẠCH CÔNG CUỘC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh
 Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1962
 Số bằng: T 244 bm Quyết định số: 411/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1983
- 116 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN CHÔM**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công
 Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1962
 Số bằng: Q 223 bm Quyết định số: 374/CTKT ngày 19 tháng 10 năm 1983
- 117 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍN**
 Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong
 sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 01 năm 1972
 Số bằng: 5N 433 cm Quyết định số: 313/TTg ngày 09 tháng 7 năm 1981
- 118 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẢ**
 Cán bộ nông hội xã, Nguyên quán: xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy
 sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 5N 480 cm Quyết định số: 313/TTg ngày 09 tháng 7 năm 1981
- 119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh
 trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: Q 276 km Quyết định số: 374/CTKT ngày 19 tháng 10 năm 1983
- 120 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÙNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh
 Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bằng: U 405 bm Quyết định số: 459/CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1983

- 121 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN EM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1981
Số bằng: M 638 bt Quyết định số: 214/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1983
- 122 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ON**
Trung Đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 01 năm 1982
Số bằng: U 468 bt Quyết định số: 459/CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1983
- 123 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHỎI**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1968
Số bằng: AA 109 cm Quyết định số: 183/CTKT ngày 30 tháng 5 năm 1984
- 124 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN RANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 01 năm 1985
Số bằng: BE 139 bt Quyết định số: 294/CTKT ngày 29 tháng 10 năm 1986
- 125 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƯỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 01 năm 1985
Số bằng: BL 798 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 14 tháng 10 năm 1987
- 126 Liệt sĩ: **VÕ VĂN DANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 12 năm 1984
Số bằng: BL 778 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 14 tháng 10 năm 1987
- 127 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 11 năm 1984
Số bằng: BL 750 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 14 tháng 10 năm 1987
- 128 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 02 năm 1985
Số bằng: BL 724 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 14 tháng 10 năm 1987
- 129 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUẬN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 01 năm 1985
Số bằng: BM 045 bt Quyết định số: 292/CTKT ngày 25 tháng 11 năm 1987
- 130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 8 năm 1984
Số bằng: BM 039 bt Quyết định số: 292/CTKT ngày 25 tháng 11 năm 1987

- 131 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 02 năm 1986
Số bằng: BL 950 bt Quyết định số: 250/CTKT ngày 28 tháng 10 năm 1987
- 132 Liệt sĩ: **ĐỖ NGỌC AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 3 năm 1987
Số bằng: CC 420 bt Quyết định số: 47/CTKT ngày 22 tháng 3 năm 1989
- 133 Liệt sĩ: **LÊ THIÊN TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 8 năm 1987
Số bằng: CR 018 bt Quyết định số: 97/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1991
- 134 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 01 năm 1986
Số bằng: CM 422 bt Quyết định số: 145/CTKT ngày 10 tháng 8 năm 1990
- 135 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1948
Số bằng: DU 206 kp Quyết định số: 488/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1995
- 136 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NĂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thạnh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1974
Số bằng: 7R 355 bm Quyết định số: 103/TTg ngày 02 tháng 02 năm 1979
- 137 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NĂM**
Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: IC 379 kp Quyết định số: 1431/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1977

TỈNH NINH BÌNH

- 138 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN MÓN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Thám, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1953
Số bằng: ZP 454 bp Quyết định số: 1/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 139 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÁN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1972
Số bằng: ST 833 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1977
- 140 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiến Trung, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1970

Số bằng: HP 107 bm Quyết định số: 436/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973

141 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NAM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1969

Số bằng: SN 131 bm Quyết định số: 475/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

142 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BIỂU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1967

Số bằng: NY 736 bm Quyết định số: 527/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1974

143 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1968

Số bằng: VM 358 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 15 tháng 1 năm 1970

144 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH LUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Ninh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1967

Số bằng: EA 649 bm Quyết định số: 80/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

145 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÊ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Ninh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1970

Số bằng: LO 509 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1974

146 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÁ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Ninh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1969

Số bằng: SI 361 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

147 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÁN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Ninh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1969

Số bằng: VP 659 bm Quyết định số: 302/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

148 Liệt sĩ: **HÀ HUY TIỂU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Trung, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1973

Số bằng: LA 059 bm Quyết định số: 214/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

149 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHẢ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 12 năm 1947

Số bằng: ZP 395 bp Quyết định số: 1/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

150 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHOI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1953

Số bằng: ZD 606 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

- 151 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NGU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: AZ 459 bp Quyết định số: 212/TTg ngày 31 tháng 5 năm 1961
- 152 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN KHIÊM**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CE 749 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972
- 153 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC TRỊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KB 652 bm Quyết định số: 526/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 154 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1969
Số bằng: QA 889 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1975
- 155 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC BAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BN 051 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 156 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LƯU**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9H 782 bt Quyết định số: 892/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 157 Liệt sĩ: **NINH VĂN THẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hoà, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1954
Số bằng: TM 563 bp Quyết định số: 01/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 158 Liệt sĩ: **VŨ KHẮC ĐẠM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hoà, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1967
Số bằng: ĐH 186 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 159 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TỎ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hoà, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1965
Số bằng: OI 276 bm Quyết định số: 614/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 160 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN NGHIÊM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trì, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1967
Số bằng: EA 749 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

- 161 **Liệt sĩ: PHAN HUY BẠCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1967
Số bằng: EA 575 bm Quyết định số: 80/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 162 **Liệt sĩ: TRƯƠNG ĐỨC DIỆP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: SK 101 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976
- 163 **Liệt sĩ: VŨ THANH GIẢNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1968
Số bằng: RV 714 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1976
- 164 **Liệt sĩ: VŨ VĂN HUÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MA 191 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1970
- 165 **Liệt sĩ: VŨ XUÂN THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KB 485 bm Quyết định số: 522/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 166 **Liệt sĩ: LÊ HỮU MỆNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phú, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 9 năm 1950
Số bằng: ZD 576 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 167 **Liệt sĩ: TRẦN XUÂN GIỚI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1971
Số bằng: QĐ 398 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975
- 168 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN ĐĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1967
Số bằng: BA 533 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 169 **Liệt sĩ: TÔNG VĂN THUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: AZ 395 bp Quyết định số: 212/TTg ngày 31 tháng 5 năm 1961
- 170 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN ĐĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1967
Số bằng: BA 533 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

- 171 Liệt sĩ: **TẠ VĂN SÁCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1953
Số bằng: ZB 1,407 kp Quyết định số: 209/TTg ngày 1 tháng 6 năm 1959
- 172 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1970
Số bằng: ĐB 916 bm Quyết định số: 425/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1972
- 173 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HƯƠNG**
Công nhân đường sắt, Nguyên quán: xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1967
Số bằng: CM 018 cm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 174 Liệt sĩ: **VŨ THỊ PHIN**
Công nhân chăn nuôi, Nguyên quán: phường Ninh Phong, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 4H 740 ct Quyết định số: 53 /TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 175 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN NGUỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 11 năm 1949
Số bằng: XA 687 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN UT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Khánh, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1972
Số bằng: TS 489 bm Quyết định số: 72/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1977
- 177 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐY 876 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1973
- 178 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9Y 893 bt Quyết định số: 715/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1980
- 179 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT XÔ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970
Số bằng: QT 969 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 180 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1970
Số bằng: ĐV 573 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

- 181 **Liệt sĩ: ĐINH XUÂN TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1965
Số bằng: ĐH 090 bm Quyết định số: 420/TTGa ngày 5 tháng 10 năm 1972
- 182 **Liệt sĩ: NGUYỄN THANH HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GQ 860 bm Quyết định số: 328/TTGa ngày 2 tháng 8 năm 1973
- 183 **Liệt sĩ: HOÀNG DUY TIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hoà, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1968
Số bằng: TM 650 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1969
- 184 **Liệt sĩ: BÙI QUANG HY**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐB 927 bm Quyết định số: 425/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1972
- 185 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN TÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Số 68 Phạm Hồng Thái, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GH 528 bm Quyết định số: 303/TTGa ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 186 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TRANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1970
Số bằng: TV 314 bm Quyết định số: 67/TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1977
- 187 **Liệt sĩ: VŨ VĂN TIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1970
Số bằng: ST 766 bm Quyết định số: 570/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1976
- 188 **Liệt sĩ: LÊ VĂN KHÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1956
Số bằng: JB 759 bm Quyết định số: 209/TTG ngày 1 tháng 6 năm 1959
- 189 **Liệt sĩ: ĐỖ NGỌC CÁP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐV 574 bm Quyết định số: 52/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 190 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN HOÀ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1964
Số bằng: AT 536 bm Quyết định số: 189/TTGa ngày 10 tháng 8 năm 1971

- 191 Liệt sĩ: **VŨ VIỆT TIỆP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1970
Số bằng: ST 766 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976
- 192 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÂN PHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
Số bằng: ĐH 052 bm Quyết định số: 420/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1972
- 193 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 2 năm 1952
Số bằng: ĐK 759 bp Quyết định số: 400/TTg ngày 10 tháng 6 năm 1997
- 194 Liệt sĩ: **VŨ THẾ CHUYỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1970
Số bằng: CE 680 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972
- 195 Liệt sĩ: **VŨ VĂN BIẾNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1971
Số bằng: TS 631 bm Quyết định số: 84/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1977
- 196 Liệt sĩ: **PHAN THANH NGHỊ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bằng, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1971
Số bằng: QY 678 bm
- 197 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1967
Số bằng: LO 255 bm Quyết định số: 260/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 198 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG KHUYẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đức, huyện Tiên Lữ, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SK 150 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976
- 199 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1966
Số bằng: EN 115 bm Quyết định số: 118/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973
- 200 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỨ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
Số bằng: RS 180 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976

- 201 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HOA**
 Phó phòng kỹ thuật vận tải đường sông, Nguyên quán: xã Đồng Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: AM 538 cm Quyết định số: 69/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1968

- 202 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN TẤN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: EQ 477 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1973

- 203 **Liệt sĩ: LÊ VĂN ĐỨC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: KB 553 bm Quyết định số: 526/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1973

- 204 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN TƯỚC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Sơn, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1966
 Số bằng: SL 255 bm Quyết định số: 510/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

- 205 **Liệt sĩ: HOÀNG MẠNH TRỮ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Sơn, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1973
 Số bằng: QA 932 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1975

- 206 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN LỢI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Sơn, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1971
 Số bằng: TH 128 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

- 207 **Liệt sĩ: ĐỖ VĂN NGỌ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Sơn, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
 Số bằng: ZC 315 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

- 208 **Liệt sĩ: VŨ VĂN PHÁNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 1 năm 1954
 Số bằng: AZ 323 bp Quyết định số: 212/TTg ngày 31 tháng 5 năm 1961

- 209 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HỸ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: OZ 490 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

- 210 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NHỊ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: ĐH 289 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1972

- 211 Liệt sĩ: **ĐINH LIÊN KHU**
Thương binh chết do vết thương tái phát, Nguyên quán: xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 3 năm 1985
Số bằng: AS 577 bt Quyết định số: 67/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983
- 212 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỊ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐH 289 bm Quyết định số: 439/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 213 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CẬN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 1 năm 1978
Số bằng: AK 348 bt Quyết định số: 365/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 214 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SỚM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1951
Số bằng: ZP 594 bp Quyết định số: 1/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 215 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 2 năm 1982
Số bằng: F 987 bt Quyết định số: 67/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983
- 216 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUẨN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 2 năm 1977
Số bằng: 8Y 812 bt Quyết định số: 757/TTGa ngày 31 tháng 10 năm 1979
- 217 Liệt sĩ: **TẠ ĐỨC DIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1966
Số bằng: ĐM 933 bm Quyết định số: 98/TTGa ngày 5 tháng 6 năm 1968
- 218 Liệt sĩ: **TẠ THANH THỌI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: ES 013 bm Quyết định số: 194/TTGa ngày 26 tháng 5 năm 1973
- 219 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN RUỆ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ĐH 097 bm Quyết định số: 420/TTGa ngày 5 tháng 10 năm 1972
- 220 Liệt sĩ: **TẠ VĂN TỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 1 năm 1952
Số bằng: XA 645 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

- 221 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÓC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1947
Số bằng: IZ 030 bp Quyết định số: 83/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1966
- 222 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẢNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RS 034 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976
- 223 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH YẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1966
Số bằng: AH 538 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971
- 224 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU DỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1967
Số bằng: MF 710 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969
- 225 Liệt sĩ: **ĐINH DANH NGOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 2 năm 1949
Số bằng: ZP 522 bp Quyết định số: 1/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 226 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU LẠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1967
Số bằng: CH 084 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1972
- 227 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÊU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: OC 237 bp Quyết định số: 387/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1977
- 228 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÁP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐV 589 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 229 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 2 năm 1951
Số bằng: ZP 855 bp Quyết định số: 130/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1959
- 230 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZU 049 bp Quyết định số: 128/TTg ngày 10 tháng 6 năm 1960

- 231 Liệt sĩ: **TRẦN NHƯ NHÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZP 523 bp Quyết định số: 1/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 232 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TỰ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1969
Số bằng: CH 048 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1972
- 233 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UG 373 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977
- 234 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TỬ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1969
Số bằng: GQ 892 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1973
- 235 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BA 655 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 236 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CANH**
Xã viên Hợp tác xã vận tải thuyền, Nguyên quán: xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1966
Số bằng: IM 556 cm Quyết định số: 80/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 237 Liệt sĩ: **LÊ DUY HƯNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HP 075 bm Quyết định số: 436/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 238 Liệt sĩ: **TRẦN THANH XUÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Ninh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1969
Số bằng: QĐ 490 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975
- 239 Liệt sĩ: **NGUYỄN GIANG HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Ninh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973
Số bằng: QĐ 416 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975
- 240 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Trung, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1973
Số bằng: LA 069 bm Quyết định số: 214/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

- 241 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN RƯỜI**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Hoà, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1957
 Số bằng: ZC 668 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 242 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO BẢNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Hoà, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: EA 577 bm Quyết định số: 80/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 243 Liệt sĩ: **KIỀU VĂN SANG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Từ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 1 năm 1951
 Số bằng: ZD 531 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 244 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 9 năm 1949
 Số bằng: ZB 541 kp Quyết định số: 01/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 245 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CHONG**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Gia Trường, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1947
 Số bằng: ZB 603 kp Quyết định số: 01/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 246 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 11 năm 1953
 Số bằng: ZQ 977 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959
- 247 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỌ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1953
 Số bằng: ZP 398 bp Quyết định số: 1/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 248 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỰC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Trường, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1952
 Số bằng: ZP 606 bp Quyết định số: 1/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 249 Liệt sĩ: **TRẦN VIỆT BÌNH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: OV 488 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1975
- 250 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC CHUẨN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: NO 450 bm Quyết định số: 379/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1974

- 251 Liệt sĩ: **CHU VĂN AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1966
Số bằng: CD 942 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1972
- 252 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1970
Số bằng: RS 043 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976
- 253 Liệt sĩ: **TẠ ĐỨC ƯỚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1974
Số bằng: QN 751 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976
- 254 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Số 23 Phạm Hồng Thái, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1970
Số bằng: ĐV 631 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 255 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ SÁU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: CE 653 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972
- 256 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC THUẬN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1970
Số bằng: OK 353 bm Quyết định số: 641/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1974
- 257 Liệt sĩ: **CHU ĐỨC THỊNH**
Trun sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MG 713 bm Quyết định số: 79/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1970
- 258 Liệt sĩ: **ĐẶNG MINH HIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1969
Số bằng: ĐP 499 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1972
- 259 Liệt sĩ: **PHẠM KHẮC BẰNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 5 năm 1975
Số bằng: QA 841 bt Quyết định số: 472/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1975
- 260 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1973
Số bằng: RS 185 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976

- 261 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THUẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1974
Số bằng: QĐ 598 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975
- 262 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CẢNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QĐ 376 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976
- 263 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CHIẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: RO 109 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 264 Liệt sĩ: **ĐINH DUY ĐẠO**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1968
Số bằng: ĐP 487 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1972
- 265 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG CƯƠNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1972
Số bằng: LP 014 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 266 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUẤN TRƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1974
Số bằng: UG 009 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1977
- 267 Liệt sĩ: **LÊ THANH KIÊM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1968
Số bằng: TV 918 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 28 tháng 1 năm 1977
- 268 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRÁC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
Số bằng: TV 304 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 28 tháng 1 năm 1977
- 269 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9Y 919 bt Quyết định số: 715/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1980
- 270 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1966
Số bằng: SG 401 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1977

- 271 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HOÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1973
Số bằng: GH 432 bm Quyết định số: 271/TTGa ngày 29 tháng 6 năm 1973
- 272 Liệt sĩ: **PHẠM TUẤN ANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1969
Số bằng: CD 943 bm Quyết định số: 221/TTGa ngày 6 tháng 6 năm 1972
- 273 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU VĂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1967
Số bằng: EA 689 bm Quyết định số: 92/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 274 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN KIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1967
Số bằng: EN 132 bm Quyết định số: 118/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1973
- 275 Liệt sĩ: **LÊ THỊ HẢO**
Đội viên Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AM 592 cm Quyết định số: 98/TTg ngày 20 tháng 1 năm 1966
- 276 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OM 712 bm Quyết định số: 108/TTGa ngày 12 tháng 7 năm 1969
- 277 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TRUYỆN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Khánh Thủy, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZB 1,673 kp Quyết định số: 001/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 278 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 5 năm 1953
Số bằng: ZA 723 bp Quyết định số: 117/TTg ngày 25 tháng 6 năm 1961
- 279 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỨ**
Công nhân Công ty nông sản Ninh Bình, Nguyên quán: xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1966
Số bằng: ED 405 cm Quyết định số: 803/TTg ngày 18 tháng 9 năm 1999
- 280 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OM 716 bm Quyết định số: 508/TTGa ngày 16 tháng 12 năm 1972

- 281 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ÂU**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lạc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: GH 345 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 282 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN HIỀN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: HN 336 bm Quyết định số: 590/TTg ngày 26 tháng 12 năm 1973
- 283 **Liệt sĩ: BÙI ĐỨC XUÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1953
 Số bằng: EZ 406 bp Quyết định số: 135/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1963
- 284 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN THẠNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hoà, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1946
 Số bằng: 2CC 590bp Quyết định số: 209/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981
- 285 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN CHIÊM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1946
 Số bằng: ZQ 2,267 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 286 **Liệt sĩ: ĐỖ ĐÌNH KHÁU**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: BA 689 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 287 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUANG KHẢI**
 Chính trị viên phó tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1972. Số bằng: GQ 870 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1973
- 288 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN HÙNG**
 Thượng uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 4 năm 1987
 Số bằng: CA 477 bt Quyết định số: 136/CTKT ngày 22 tháng 6 năm 1988
- 289 **Liệt sĩ: PHẠM NGỌC NGŨ**
 Trợ lý quân giới trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: LO 476 bm Quyết định số: 222 /TTga ngày 7 tháng 5 năm 1974

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- 1 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÓC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZA 862 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 02 tháng 4 năm 1957
- 2 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐỐI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: 55 Trần Nhân Tông, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1949
Số bằng: ZG 440 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 3 Liệt sĩ: **KHUẤT DUY THANH**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1967
Số bằng: HM 068 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1968
- 4 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HẢO**
Nhân viên Bộ Giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Thụy Phú, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 6 năm 1966
Số bằng: DM 1,982cm Quyết định số: 189/TTga ngày 05 tháng 11 năm 1969
- 5 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CHẢI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Phú, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1951
Số bằng: ZQ 3,094 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 6 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LÝ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1969
Số bằng: GK 189 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1973
- 7 Liệt sĩ: **ĐẶNG HOÀNG THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1971
Số bằng: BV 479 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 03 tháng 01 năm 1972
- 8 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: YB 112 bm Quyết định số: 379/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1979
- 9 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
Số bằng: RT 520 bm Quyết định số: 336/TTga ngày 23 tháng 7 năm 1976
- 10 Liệt sĩ: **ĐÀM ICH TỰ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1969
Số bằng: GN 732 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 03 tháng 02 năm 1973

- 11 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRUNG CHÍNH**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: LD 463 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

- 12 **Liệt sĩ: NGUYỄN THÁI HỌC**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: HP 862 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

- 13 **Liệt sĩ: ĐỖ VĂN LƯỢNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: RĐ 318 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1976

- 14 **Liệt sĩ: SÁI VĂN MẬT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: NU 544 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 04 tháng 10 năm 1974

- 15 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NGHIÊM**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: HO 282 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 08 tháng 01 năm 1974

- 16 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN ÂT**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: KG 304 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974

- 17 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NGÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: NY 110 bm Quyết định số: 458/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1974

- 18 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÀI**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1970
 Số bằng: KG 308 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974

- 19 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TRÁC**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: AĐ 985 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

- 20 **Liệt sĩ: LÊ VĂN QUÊ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1964
 Số bằng: PH 278 bm Quyết định số: 260/TTga ngày 05 tháng 7 năm 1975

- 21 **Liệt sĩ: TRẦN THỊ THUẬN**
 Tiểu đội phó dân quân, Nguyên quán: xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1966
Số bằng: AM 045 km Quyết định số: 107/TTGa ngày 22 tháng 6 năm 1967

- 22 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1968
Số bằng: YD 296 bm Quyết định số: 372/TTGa ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 23 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN DIỆU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 5 năm 1950
Số bằng: ĐĐ 055 kp Quyết định số: 279/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1997
- 24 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XA 974 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 25 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỘI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Đồng Bầm, tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 02 năm 1968
Số bằng: YD 461 bm Quyết định số: 369/TTGa ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 26 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CHẤN**
Công nhân Cục vận tải đường bộ, Bộ Giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968
Số bằng: CM 543 cm Quyết định số: 109/TTGa ngày 14 tháng 7 năm 1969
- 27 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: AB 228 bm Quyết định số: 452/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1974
- 28 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG CỎM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 02 năm 1952
Số bằng: ZM 974 bp Quyết định số: 518/TTg ngày 02 tháng 12 năm 1958
- 29 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LẦY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MI 754 bm Quyết định số: 138/TTGa ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 30 Liệt sĩ: **MAI DỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 11 năm 1947
Số bằng: ZL 953 bp Quyết định số: 357/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

.

.

- 31 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DỨA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MN 664 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1969

- 32 **Liệt sĩ: VŨ QUANG TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1966
Số bằng: OM 292 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1969

- 33 **Liệt sĩ: NGUYỄN KIM TIẾN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Xá, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: YB 981 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1977

- 34 **Liệt sĩ: HOÀNG KIM THIỆU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1968
Số bằng: UB 398 bm Quyết định số: 73/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1977

- 35 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN NGUYỄN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: KĐ 893 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

- 36 **Liệt sĩ: TĂNG KIM GIÁ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1970
Số bằng: BG 682 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972

- 37 **Liệt sĩ: NGUYỄN GIA SINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Giang Biên, quận Long Biên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1966
Số bằng: BV 620 bm Quyết định số: 155/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1972

- 38 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN BÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1969
Số bằng: LO 786 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1974

- 39 **Liệt sĩ: HÀ VĂN NGHĨA**
Trình sát quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Thượng Thanh, quận Long Biên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1949
Số bằng: ZC 021 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 13 tháng 4 năm 1957

- 40 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HỒ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Bình, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZP 736 bp Quyết định số: 98/TTga ngày 02 tháng 3 năm 1959

- 41 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Vương, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GB 458 bm Quyết định số: 220/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1973
- 42 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hòa, huyện Yên Lập, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CA 692 bm Quyết định số: 153/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1972
- 43 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HỢP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: DZ 745 bp Quyết định số: 337/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1962
- 44 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỊCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 1E 779 bm Quyết định số: 800/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 45 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC SON**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1964
Số bằng: TL 424 bm Quyết định số: 74/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1977
- 46 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 01 năm 1948
Số bằng: XQ 3,651 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 47 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 12 năm 1946
Số bằng: XQ 1,542 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959
- 48 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN PHÚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1968
Số bằng: NM 679 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1969
- 49 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TIÊU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1953
Số bằng: ZB 926 kp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959
- 50 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÀO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969
Số bằng: NT 261 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

- 51 Liệt sĩ: **ĐỖ BÁ THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Văn Bình, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1966
Số bằng: PA 434 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1975
- 52 Liệt sĩ: **HÀ ĐỨC THẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KN 839 bm Quyết định số: 585/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 53 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIÊU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 7Đ 891 bm Quyết định số: 1395/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 54 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN MỪNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NH 769 bm Quyết định số: 408/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1974
- 55 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN VINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1972
Số bằng: NT 414 bm Quyết định số: 437/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974
- 56 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BV 482 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 57 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 02 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,898 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 02 năm 1960
- 58 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: YG 971 bm Quyết định số: 533/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1977
- 59 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỘ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1953
Số bằng: ZQ 4,906 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 60 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHONG**
Cán bộ huyện, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 11 năm 1950
Số bằng: ZB 832 cp Quyết định số: 337/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1962
- 61 Liệt sĩ: **ĐÀM VIỆT NHE**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1960
Số bằng: DM 478 bm Quyết định số: 69/TTGa ngày 17 tháng 4 năm 1968

- 62 Liệt sĩ: **LÊ THANH HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: CR 071 bm Quyết định số: 329/TTGa ngày 10 tháng 8 năm 1972
- 63 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯỚNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: NH 708 bm Quyết định số: 405/TTGa ngày 6 tháng 8 năm 1974
- 64 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỘC**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1970
Số bằng: ĐB 405 bm Quyết định số: 434/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 65 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1968
Số bằng: CY 610 bm Quyết định số: 431/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1972
- 66 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN CHÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1966
Số bằng: MI 513 bm Quyết định số: 133/TTGa ngày 01 tháng 6 năm 1970
- 67 Liệt sĩ: **NGHIÊM XUÂN QUY**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1969
Số bằng: EH 560 bm Quyết định số: 93/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 68 Liệt sĩ: **LÃ VĂN DIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UV 683 bm Quyết định số: 264/TTGa ngày 05 tháng 4 năm 1977
- 69 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ ĐIỀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BV 199 bm Quyết định số: 108/TTGa ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 70 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LN 816 bm Quyết định số: 281/TTGa ngày 01 tháng 6 năm 1974
- 71 Liệt sĩ: **TỪ VĂN NĂM**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Phương, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1972

Số bằng: GK 091 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1973

- 72 Liệt sĩ: **ĐỖ KIM HUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Phương, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1967
Số bằng: HM 219 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1968
- 73 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Phương, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
Số bằng: YP 972 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 74 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Liên Phương, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SE 325 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 75 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH THẮNG**
Bí thư chi bộ Đảng cộng sản Đông Dương, Nguyên quán: xã Liên Phương, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 8 năm 1948
Số bằng: ZB 835 cp Quyết định số: 337/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1962
- 76 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1973
Số bằng: UV 796 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 77 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN QUỲNH**
Công nhân lái xe, Nguyên quán: xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1966
Số bằng: EM 939 cm Quyết định số: 37/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971
- 78 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MÃO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: RT 473 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976
- 79 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUỲNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KN 585 bm Quyết định số: 224/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1973
- 80 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHAN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KN 145 bm Quyết định số: 379/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 81 Liệt sĩ: **TRẦN KIÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BF 526 bm Quyết định số: 33/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972

- 82 Liệt sĩ: **LẠI VĂN KHÂM**
Đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ZB 3,816 kp Quyết định số: 04/TTg ngày 04 tháng 01 năm 1961
- 83 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐỊNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1965
Số bằng: UV 655 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977
- 84 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH RÀO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Phú Lương, quận Hà Đông, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CQ 663 bm Quyết định số: 317/TTga ngày 5 tháng 8 năm 1972
- 85 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÁ**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GK 102 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1973
- 86 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: ĐU 273 bp Quyết định số: 1116/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 1998
- 87 Liệt sĩ: **CHU QUANG NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Đông, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 9 năm 1969
Số bằng: KP 415 bm Quyết định số: 589/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 88 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN GIAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1969
Số bằng: YB 341 bm Quyết định số: 379/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1979
- 89 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1950
Số bằng: BZ 805 bp Quyết định số: 389/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1961
- 90 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC THÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1973
Số bằng: OH 482 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974
- 91 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BẨM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1966
Số bằng: AS 704 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971
- 92 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, tp Hà

Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9B 977 bt Quyết định số: 897/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1979

- 93 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ THUYỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1973
Số bằng: 1N 125 bm Quyết định số: 817/TTGa ngày 5 tháng 8 năm 1977
- 94 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LƯU**
Phó Chủ tịch xã Liên Hồng, Nguyên quán: xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZA 1,420 cp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 95 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THÁI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2K 853 bm Quyết định số: 1606/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 96 Liệt sĩ: **THÁI HỌC THÌN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1973
Số bằng: YV 253 bm Quyết định số: 569/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 97 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 02 năm 1952
Số bằng: OC 096 bp Quyết định số: 355/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1977
- 98 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: QT 328 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1976
- 99 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khai Thái, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1967
Số bằng: NM 577 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1969
- 100 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Can, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1967
Số bằng: YO 611 bm Quyết định số: 561/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 101 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MẬU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Can, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1968
Số bằng: QG 739 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 02 năm 1976
- 102 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Can, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1969
Số bằng: KN 233 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

- 103 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1954
Số bằng: ZZ 917 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 104 Liệt sĩ: **TRƯƠNG QUANG NGUYỄN**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm 1953
Số bằng: ZQ 526 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959
- 105 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH HÓP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên An, huyện Ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1966
Số bằng: AĐ 263 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1971
- 106 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên An, huyện Ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 01 năm 1949
Số bằng: BZ 915 bp Quyết định số: 401/TTg ngày 11 tháng 10 năm 1961
- 107 Liệt sĩ: **MAI VĂN HY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên An, huyện Ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1953
Số bằng: ZX 566 bp Quyết định số: 314/TTg ngày 13 tháng 12 năm 1960
- 108 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BANG**
Tiểu đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1951
Số bằng: DZ 751 bp Quyết định số: 337/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1962
- 109 Liệt sĩ: **KIỀU XUÂN SANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MH 152 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970
- 110 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT LIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1969
Số bằng: VV 287 bm Quyết định số: 563/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 111 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÈN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8U 093 bm Quyết định số: 664/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1979
- 112 Liệt sĩ: **KHUÁT ĐÌNH HOÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 7 năm 1950
Số bằng: ZL 688 bp Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1958
- 113 Liệt sĩ: **LÊ SĨ SÔ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khê, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QL 986 bm Quyết định số: 49/TTg ngày 17 tháng 02 năm 1976

- 114 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TƯ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tự Lập, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 02 năm 1950
Số bằng: XC 842 kp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959
- 115 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUY**
Đội phó du kích, Nguyên quán: xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 02 năm 1954
Số bằng: ZB 3,793 kp Quyết định số: 04/TTg ngày 04 tháng 01 năm 1961
- 116 Liệt sĩ: **HOÀNG NHĨ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 10 năm 1950
Số bằng: ZB 3,802 kp Quyết định số: 04/TTg ngày 04 tháng 01 năm 1961
- 117 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH LẠCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 3 năm 1951
Số bằng: ZB 3,813 kp Quyết định số: 04/TTg ngày 04 tháng 01 năm 1961
- 118 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỤC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1949
Số bằng: ZB 2,573 kp Quyết định số: 396/TTg ngày 02 tháng 11 năm 1959
- 119 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cao, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 02 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8I 753 bt Quyết định số: 450/TTg ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 120 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MB 887 bm Quyết định số: 054/TTg ngày 6 tháng 3 năm 1970
- 121 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1947
Số bằng: ZP 913 bp Quyết định số: 130/TTg ngày 01 tháng 4 năm 1959
- 122 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1950. Số bằng: ZZ 365 bp Quyết định số: 53/TTg ngày 08 tháng 02 năm 1961
- 123 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1969

Số bằng: UB 240 bm Quyết định số: 73/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1977

- 124 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT HUÂN**
Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1966
Số bằng: OM 114 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1969
- 125 Liệt sĩ: **LÊ QUANG NGỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Trinh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1972
Số bằng: CV 811 bm Quyết định số: 371/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1972
- 126 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NGHIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Long Biên, quận Long Biên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: CH 699 bm Quyết định số: 256/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1972
- 127 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÍT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 01 năm 1949
Số bằng: ZR 149 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 128 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BÌNH**
Bí thư chi bộ, Nguyên quán: thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 02 năm 1951
Số bằng: XB 407 cp Quyết định số: 40/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1961
- 129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VỌNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1968
Số bằng: LD 665 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974
- 130 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG OÁNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 10 năm 1968
Số bằng: LH 314 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1974
- 131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Số nhà 78, tổ 1, khối 74 khu phố Đồng Đa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EO 400 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1973
- 132 Liệt sĩ: **NGUYỄN MANH SÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1970
Số bằng: ĐQ 452 bm Quyết định số: 490/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1972
- 133 Liệt sĩ: **NGUYỄN HƯNG KHUÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1968
Số bằng: YB 870 bm Quyết định số: 381/TTga ngày 02 tháng 5 năm 1977

- 134 Liệt sĩ: **NGUYỄN KÊ ĐÌNH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1967
 Số bằng: OL 810 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1975
- 135 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỖ THẢO**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: YE 868 bm Quyết định số: 425/TTga ngày 13 tháng 5 năm 1977
- 136 Liệt sĩ: **NGUYỄN HƯNG NHÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1966
 Số bằng: OM 284 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1969
- 137 Liệt sĩ: **NGUYỄN KÊ PHÚC**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
 Số bằng: MM 372 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1969
- 138 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NGẠC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: HM 339 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 23 tháng 7 năm 1968
- 139 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẠP**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
 Số bằng: MC 445 bp Quyết định số: 21/TTga ngày 18 tháng 01 năm 1975
- 140 Liệt sĩ: **NGUYỄN THUYỀN**
 Cán bộ dân vận, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1950
 Số bằng: YZ 566 cp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 141 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHÍ**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 02 năm 1969
 Số bằng: CH 774 bm Quyết định số: 257/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1972
- 142 Liệt sĩ: **VŨ KIM GIÁ**
 Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 6 năm 1980
 Số bằng: 8AA 574 bt Quyết định số: 06/CTKT ngày 8 tháng 01 năm 1982
- 143 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỪA DÀN**
 Đội viên tự vệ, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 01 năm 1947
 Số bằng: ZA 646 kp Quyết định số: 559/TTg ngày 13 tháng 12 năm 1957
- 144 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MÃO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AV 998 bm Quyết định số: 34/TTGa ngày 27 tháng 01 năm 1972

145 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HV 180 bm Quyết định số: 474/TTGa ngày 03 tháng 11 năm 1973

146 Liệt sĩ: **VŨ TRÍ HẠNG**

Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EK 560 bm Quyết định số: 142/TTGa ngày 14 tháng 4 năm 1973

147 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HƯƠNG**

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Bình, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BS 066 bm Quyết định số: 69/TTGa ngày 29 tháng 02 năm 1972

148 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT BÁT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1951. Số bằng: ZQ 737 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959

149 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIÊN HIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Bình, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HK 369 bm Quyết định số: 412/TTGa ngày 22 tháng 9 năm 1973

150 Liệt sĩ: **PHAN THANH LIÊM**

Tiểu đội phó đội Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Đức Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1975
Số bằng: NM 705 cm Quyết định số: 141/TTGa ngày 30 tháng 3 năm 1982

151 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN UT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LS 247 bm Quyết định số: 248/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1974

152 Liệt sĩ: **CHU VĂN GIỮA**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LV 951 bm Quyết định số: 277/TTGa ngày 01 tháng 6 năm 1974

153 Liệt sĩ: **CHU ĐỨC HIỆP**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KS 370 bm Quyết định số: 79/TTGa ngày 28 tháng 02 năm 1974

154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1984

Số bằng: AQ 740 bt Quyết định số: 225/CTKT ngày 05 tháng 6 năm 1985

- 155 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HIỂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1968
Số bằng: YO 844 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 156 Liệt sĩ: **TRƯƠNG NGỌC MINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 1AA 753 bt Quyết định số: 52/TTga ngày 18 tháng 02 năm 1984
- 157 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC MẠNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 1E 572 bm Quyết định số: 799/TTga ngày 03 tháng 8 năm 1977
- 158 Liệt sĩ: **LÊ MINH SÁNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LN 609 bm Quyết định số: 269/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974
- 159 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN QUANG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1968
Số bằng: NM 831 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1969
- 160 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ QUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GO 419 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1973
- 161 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1968
Số bằng: GO 625 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 162 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH ĐẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1965
Số bằng: DM 511 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1968
- 163 Liệt sĩ: **CHU VĂN DONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1968
Số bằng: PA 259 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 04 tháng 7 năm 1975
- 164 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẬP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 8 năm 1968
Số bằng: VV 318 bm Quyết định số: 563/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

- 165 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG LÂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1967
Số bằng: BV 550 bm Quyết định số: 106/TTGa ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 166 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1966
Số bằng: TL 348 bm Quyết định số: 74/TTGa ngày 01 tháng 02 năm 1977
- 167 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN OANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1984
Số bằng: AQ 741 bt Quyết định số: 225/CTKT ngày 05 tháng 6 năm 1985
- 168 Liệt sĩ: **LÊ QUÝ HẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1967
Số bằng: MR 655 bm Quyết định số: 255/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1970
- 169 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8U 070 bt Quyết định số: 664/TTGa ngày 20 tháng 9 năm 1979
- 170 Liệt sĩ: **TRỊNH QUỐC NINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1968
Số bằng: RT 462 bm Quyết định số: 358/TTGa ngày 04 tháng 8 năm 1976
- 171 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BƯỞI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 3N 298 bm Quyết định số: 133/TTGa ngày 20 tháng 02 năm 1978
- 172 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9T 106 bt Quyết định số: 529/TTGa ngày 01 tháng 8 năm 1980
- 173 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LƯU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9S 946 bt Quyết định số: 531/TTGa ngày 01 tháng 8 năm 1980
- 174 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẠT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1951
Số bằng: CZ 975 bp Quyết định số: 233/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1962
- 175 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong

cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 6 năm 1950
Số bằng: ZC 782 kp Quyết định số: 233/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1962

- 176 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1953
Số bằng: CZ 976 bp Quyết định số: 233/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1962
- 177 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BV 231 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 178 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN ĐÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1968
Số bằng: RA 860 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 30 tháng 4 năm 1976
- 179 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN TRỪ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1969
Số bằng: QT 245 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1976
- 180 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 02 năm 1954
Số bằng: ZQ 1,188 bp Quyết định số: 209/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1959
- 181 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1974
Số bằng: 1E 146 bm Quyết định số: 801/TTga ngày 03 tháng 8 năm 1977
- 182 Liệt sĩ: **NGHIÊM XUÂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1968
Số bằng: RM 949 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 21 tháng 11 năm 1969
- 183 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1969
Số bằng: AG 062 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971
- 184 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PL 465 bm Quyết định số: 370/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1975
- 185 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 406 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1959

- 186 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZQ 405 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959
- 187 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN TỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 8 năm 1972
Số bằng: QO 563 bm Quyết định số: 80/TTga ngày 09 tháng 3 năm 1976
- 188 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1953
Số bằng: CZ 977 bp Quyết định số: 233/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1962
- 189 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1984
Số bằng: AQ 735 bt Quyết định số: 225/CTKT ngày 05 tháng 6 năm 1985
- 190 Liệt sĩ: **VŨ MINH THÍCH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1969
Số bằng: BV 494 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 191 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐẢN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 11 năm 1951
Số bằng: ZC 783 bp Quyết định số: 233/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1962
- 192 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯƠNG**
Phó chính ủy trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 02 năm 1970. Số bằng: CA 159 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 06 tháng 4 năm 1972
- 193 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BỘ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1968
Số bằng: CQ 749 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972
- 194 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phố Nam Đồng, quận Đống Đa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GB 454 bm Quyết định số: 220/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1973
- 195 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TỊCH**
Kỹ sư cơ điện, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1967
Số bằng: BC 923 cm Quyết định số: 180/CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1986
- 196 Liệt sĩ: **DƯƠNG HUY TUY**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1969
Số bằng: MB 979 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

197 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LIÊU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1967
Số bằng: HM 338 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 23 tháng 7 năm 1968

198 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM DUNG**

Đội viên tự vệ thành, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 11 năm 1948
Số bằng: YZ 417 kp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

199 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC LẠC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HO 155 bm Quyết định số: 432/TTga ngày 04 tháng 10 năm 1973

200 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN QUÝ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1971
Số bằng: ET 557 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1973

201 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THỰC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 8 năm 1945. Số bằng: ZZ 589 bp Quyết định số: 109/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961

202 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỎ**

Đội viên tự vệ, Nguyên quán: phường Bưởi, quận Tây Hồ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1947
Số bằng: YZ 762 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

203 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẦN**

Đội viên tự vệ, Nguyên quán: phường Bưởi, quận Tây Hồ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1947
Số bằng: ZB 407 kp Quyết định số: 483/TTg ngày 03 tháng 11 năm 1958

204 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**

Đội viên tự vệ, Nguyên quán: phường Bưởi, quận Tây Hồ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1947
Số bằng: ZB 394 kp Quyết định số: 483/TTg ngày 03 tháng 11 năm 1958

205 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bưởi, quận Tây Hồ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZP 217 bp Quyết định số: 518/TTg ngày 02 tháng 12 năm 1958

206 Liệt sĩ: **PHÙNG QUANG ĐĂNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bưởi, quận Tây Hồ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1968

Số bằng: CA 864 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1972

- 207 Liệt sĩ: **NGÔ TRUNG HIẾU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Thắng, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: SV 944 bm Quyết định số: 554/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1976
- 208 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG MỤC**
Bí thư chi bộ Đảng công sản Đông Dương, Nguyên quán: xã Tư Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 4 năm 1950
Số bằng: XB 799 cp Quyết định số: 326/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1962
- 209 Liệt sĩ: **LÊ THỊ PHẠM**
Giao thông viên, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 3 năm 1950
Số bằng: YZ 226 cp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 210 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THỰC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 10 năm 1953
Số bằng: YZ 185 kp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 211 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dục Tú, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1969
Số bằng: LS 279 bm Quyết định số: 248/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1974
- 212 Liệt sĩ: **LÊ XIN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MF 592 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 02 tháng 4 năm 1970
- 213 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DIỆT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Dục Tú, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 02 năm 1953
Số bằng: ZD 308 kp Quyết định số: 153/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1963
- 214 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hội, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1972
Số bằng: LQ 061 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1974
- 215 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1974
Số bằng: QA 766 bm Quyết định số: 463/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975
- 216 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Xá, huyện Gia Lâm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ĐQ 335 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1972

- 217 Liệt sĩ: **CHU VĂN HỮU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 7 năm 1949
Số bằng: GZ 744 bp Quyết định số: 93/TTGa ngày 13 tháng 7 năm 1964
- 218 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÁU**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: 1EC 010 bp Quyết định số: 534/TTg ngày 24 tháng 5 năm 1978
- 219 Liệt sĩ: **NGUYỄN KỲ DƯ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hòa, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1968
Số bằng: MB 917 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 220 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆP**
Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Đông Quang, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1952
Số bằng: GU 887 cp Quyết định số: 352/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2005
- 221 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KP 322 bm Quyết định số: 589/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 222 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐOÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đoan Thợ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1952
Số bằng: KX 253 bp Quyết định số: 414/TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961
- 223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIỆU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Cổ Đô, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GV 920 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1973
- 224 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Cổ Đô, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1969
Số bằng: 1A 245 bm Quyết định số: 585/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 225 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG THÍNH**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Đằng, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AR 956 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 06 tháng 7 năm 1971
- 226 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN GIÁ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1968
Số bằng: CQ 187 bm Quyết định số: 281/TTga ngày 08 tháng 7 năm 1972
- 227 Liệt sĩ: **VŨ VĂN VƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, tp Hà

Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1975
Số bằng: RD 236 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

- 228 Liệt sĩ: **PHÙNG ĐÌNH THÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: ZD 056 kp Quyết định số: 337/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1962
- 229 Liệt sĩ: **CAO ĐÌNH PHONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 01 năm 1966
Số bằng: 2G 025 bm Quyết định số: 593/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1978
- 230 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÁT TOÀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1971
Số bằng: CK 255 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 24 tháng 6 năm 1972
- 231 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHÃ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1971
Số bằng: 2K 769 bm Quyết định số: 1606/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 232 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MIỄN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 5 năm 1949
Số bằng: ZB 1,995 kp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 233 Liệt sĩ: **LÊ MINH LUỒN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1967
Số bằng: MR 645 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1970
- 234 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN IN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KP 591 bm Quyết định số: 575/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐH 418 bm Quyết định số: 428/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1972
- 236 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÀI**
Công an viên, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 8 năm 1949
Số bằng: YZ 298 cp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 237 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN GIA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 1E 252 bm Quyết định số: 781/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1977

- 238 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN ANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1966
Số bằng: TL 082 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1977
- 239 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƯỜNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 01 năm 1948
Số bằng: XL 017 kp Quyết định số: 53/TTg ngày 08 tháng 02 năm 1961
- 240 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1984
Số bằng: BI 370 bt Quyết định số: 324/CTKT ngày 03 tháng 12 năm 1986
- 241 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN PHÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 01 năm 1967
Số bằng: CK 774 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1972
- 242 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÁCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UV 956 bm Quyết định số: 379/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1979
- 243 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968
Số bằng: VM 469 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 21 tháng 01 năm 1970
- 244 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG HÒI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 01 năm 1948
Số bằng: ĐL 544 kp Quyết định số: 491/TTg ngày 04 tháng 7 năm 1997
- 245 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KB 133 bm Quyết định số: 506/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1973
- 246 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÁC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 01 năm 1950
Số bằng: ZG 386 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 247 Liệt sĩ: **ĐÀO NHƯ LẠC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1968
Số bằng: NM 624 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1969
- 248 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CẦN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 02 năm 1950
Số bằng: XL 016 kp Quyết định số: 53/TTg ngày 08 tháng 02 năm 1961

- 249 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AS 056 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 06 tháng 5 năm 1971
- 250 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZK 669 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 03 tháng 3 năm 1958
- 251 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ CHỎ**
Thôn đội phó du kích, Nguyên quán: thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 6 năm 1950
Số bằng: ZC 277 kp Quyết định số: 389/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1961
- 252 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ LƯU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 1N 437 bm Quyết định số: 804/TTga ngày 03 tháng 8 năm 1977
- 253 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ DIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1969
Số bằng: KD 672 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974
- 254 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯƠNG**
Thôn đội phó du kích, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZB 2,299 kp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 255 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIÊM VỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1968
Số bằng: SM 746 bm Quyết định số: 231/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1969
- 256 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỚC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 02 năm 1972
Số bằng: YQ 402 bm Quyết định số: 630/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1977
- 257 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 3V 294 kt Quyết định số: 166/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1980
- 258 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BA**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 10 năm 1972

Số bằng: ON 401 bm Quyết định số: 08/TTGa ngày 07 tháng 01 năm 1975

- 259 Liệt sĩ: **CHU VĂN CHỮ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 02 năm 1949
Số bằng: ZB 3,425 kp Quyết định số: 187/TTg ngày 31 tháng 8 năm 1960
- 260 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ PHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1971
Số bằng: OH 437 bm Quyết định số: 577/TTGa ngày 19 tháng 11 năm 1974
- 261 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH TẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SM 687 bm Quyết định số: 231/TTGa ngày 15 tháng 12 năm 1969
- 262 Liệt sĩ: **BÙI VIỆT BÓN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1951
Số bằng: CZ 568 bp Quyết định số: 50/TTg ngày 15 tháng 02 năm 1962
- 263 Liệt sĩ: **ĐỖ KHẮC NHƯỢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CA 900 bm Quyết định số: 128/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1972
- 264 Liệt sĩ: **PHẠM KHẮC MẪN**
Ủy viên Ủy ban hành chính xã, Nguyên quán: xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1953
Số bằng: ZA 5,270 cp Quyết định số: 212/TTg ngày 31 tháng 5 năm 1961
- 265 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 2G 027 bm Quyết định số: 593/TTGa ngày 05 tháng 6 năm 1978
- 266 Liệt sĩ: **PHẠM TRƯỜNG KỲ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1972
Số bằng: YB 608 bm Quyết định số: 386/TTGa ngày 06 tháng 5 năm 1977
- 267 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CÔI**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TB 257 bm Quyết định số: 549/TTGa ngày 07 tháng 12 năm 1976
- 268 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DOANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1974
Số bằng: 4E 566 bm Quyết định số: 238/TTGa ngày 21 tháng 3 năm 1978

- 269 **Liệt sĩ: VĂN XUÂN BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụ Phú, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1971
Số bằng: 1A 239 bm Quyết định số: 585/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 270 **Liệt sĩ: LÊ ĐÌNH DẬU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Phương, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 3 năm 1949
Số bằng: DZ 696 bp Quyết định số: 337/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1962
- 271 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KN 467 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974
- 272 **Liệt sĩ: LÊ VĂN DẬU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZB 2,177 kp Quyết định số: 353/TTga ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 273 **Liệt sĩ: LÊ ĐẠI HIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 6 năm 1984
Số bằng: AQ 691 bt Quyết định số: 225/CTKT ngày 05 tháng 6 năm 1985
- 274 **Liệt sĩ: ĐẶNG XUÂN BỘI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1967
Số bằng: MR 535 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1970
- 275 **Liệt sĩ: ĐẶNG ĐÌNH HIỆP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CG 907 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1972
- 276 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC TRƯỚC**
Cán bộ Uy ban kháng chiến hành chính xã, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 4 năm 1953
Số bằng: ZA 1,057 cp Quyết định số: 353/TTga ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 277 **Liệt sĩ: LÊ PHƯƠNG TÚ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1968
Số bằng: MR 601 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1970
- 278 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN VÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 11 năm 1984
Số bằng: AY 989 bt Quyết định số: 475/CTKT ngày 18 tháng 12 năm 1985
- 279 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC MỸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phố Cửa Trường, tp Nam Định, tỉnh

Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1968
Số bằng: SL 806 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

280 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHUNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phố Cửa Trường, tp Nam Định, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 10 527 bm Quyết định số: 818/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1977

281 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY SỬU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KD 839 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

282 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÒNG**

Trưởng ban tuyên truyền xã, Nguyên quán: xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 5 năm 1950
Số bằng: ĐG 556 cp Quyết định số: 27/TTg ngày 13 tháng 01 năm 1997

283 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG SON**

Quân báo, Nguyên quán: xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 7 năm 1950
Số bằng: ZH 867 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

284 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐOÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 5 năm 1975
Số bằng: QA 747 bt Quyết định số: 463/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

285 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỈ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dục Tú, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 8 năm 1978
Số bằng: Q 161 bt Quyết định số: 313/CTKT ngày 07 tháng 9 năm 1983

286 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUẤT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QO 289 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 24 tháng 02 năm 1976

287 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CĂNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 11 năm 1953
Số bằng: ZB 607 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

288 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHONG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 7 năm 1970
Số bằng: CV 833 bt Quyết định số: 371/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1972

289 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SÚY**

Cán bộ thông tin tuyên truyền xã, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 5 năm 1949
Số bằng: ĐL 505 cp Quyết định số: 491/TTga ngày 04 tháng 7 năm 1997

- 290 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THƠ**
Y tá, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 9 năm 1967
Số bằng: OM 116 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1969
- 291 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1973
Số bằng: OL 794 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1975
- 292 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1974
Số bằng: PA 733 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 04 tháng 7 năm 1975
- 293 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐỨC ĐỎ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 12 năm 1953
Số bằng: ZB 604 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 294 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG LƯU**
Cán bộ thôn, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XY 141 cp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 295 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1958
Số bằng: NM 257 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1969
- 296 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1950
Số bằng: ZC 409 kp Quyết định số: 401/TTg ngày 11 tháng 10 năm 1961
- 297 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG TƯ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QG 987 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 19 tháng 02 năm 1976
- 298 Liệt sĩ: **TRẦN ANH TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 9V 604 bt Quyết định số: 593/TTga ngày 05 tháng 9 năm 1980
- 299 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÀN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 11 năm 1950
Số bằng: XG 553 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 01 tháng 12 năm 1959
- 300 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN MIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Cường, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 9 năm 1950
Số bằng: XC 506 bp Quyết định số: 92/TTg ngày 01 tháng 02 năm 1958

301 Liệt sĩ: **ĐÀO THÁI BẦY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GI 854 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1973

302 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỊNH**

Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1969
Số bằng: CY 753 bm Quyết định số: 430/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1972

303 Liệt sĩ: **BÙI DOÃN TƯỚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969
Số bằng: YQ 316 bm Quyết định số: 523/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1977

304 Liệt sĩ: **NGUYỄN SĨ BƯỞI**

Cán bộ thông tin, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 02 năm 1950
Số bằng: ZB 635 cp Quyết định số: 233/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1962

305 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC HIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1974
Số bằng: OG 553 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1974

306 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHAN VŨ**

Đội viên tự vệ, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946
Số bằng: ZC 795 kp Quyết định số: 233/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1962

307 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ QUYẾT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 1N 574 bm Quyết định số: 802/TTga ngày 03 tháng 8 năm 1977

308 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ CAN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GI 493 bm Quyết định số: 338/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1973

309 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT HẠNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 7 năm 1968
Số bằng: SM 574 bm Quyết định số: 231/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1969

310 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN YÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1969

Số bằng: ĐL 175 bm Quyết định số: 457/TTGa ngày 04 tháng 11 năm 1972

- 311 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 1E 880 bm Quyết định số: 801/TTGa ngày 03 tháng 8 năm 1977
- 312 Liệt sĩ: **BÙI DOÃN ĐĂNG**
Cán bộ thông tin, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: ZB 634 cp Quyết định số: 233/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1962
- 313 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ THAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1966
Số bằng: LN 783 bm Quyết định số: 281/TTGa ngày 01 tháng 6 năm 1974
- 314 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ TRẠCH**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 5 năm 1951
Số bằng: ZC 798 kp Quyết định số: 233/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1962
- 315 Liệt sĩ: **PHẠM DOÃN HUY**
Giao thông viên, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 7 năm 1949
Số bằng: ZA 1,069 cp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 316 Liệt sĩ: **ĐÀM NGỌC HÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1970
Số bằng: BT 914 bm Quyết định số: 96/TTGa ngày 03 tháng 01 năm 1972
- 317 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ DUNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1949
Số bằng: ZA 430 kp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 318 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ TỌ**
Cán bộ phụ nữ huyện, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 02 năm 1954
Số bằng: ZB 632 cp Quyết định số: 233/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1962
- 319 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC GIAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: ZP 984 bp Quyết định số: 130/TTg ngày 01 tháng 4 năm 1959
- 320 Liệt sĩ: **LÊ DANH KHÍCH**
Cán bộ thông tin, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 7 năm 1950
Số bằng: ZB 629 cp Quyết định số: 233/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1962

- 321 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HÒ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1969
Số bằng: CQ 219 bm Quyết định số: 281/TTga ngày 08 tháng 7 năm 1972
- 322 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN AN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 7 năm 1949
Số bằng: ZB 2,166 kp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 323 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC ĐỒNG**
Nhân viên Công an, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 7 năm 1950
Số bằng: ZA 1,051 cp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 324 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC THIỀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: LA 414 bm Quyết định số: 72/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1974
- 325 **Liệt sĩ: NGUYỄN CÔNG THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1969
Số bằng: CR 270 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1972
- 326 **Liệt sĩ: LÊ VĂN KIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 3N 086 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1978
- 327 **Liệt sĩ: PHÍ CÔNG LĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZP 319 bp Quyết định số: 001/TTg ngày 05 tháng 01 năm 1959
- 328 **Liệt sĩ: BÙI HỮU THU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khánh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 02 năm 1971
Số bằng: GO 723 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 329 **Liệt sĩ: VƯƠNG VĂN CHÒE**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khánh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
Số bằng: BZ 992 bp Quyết định số: 401/TTg ngày 11 tháng 10 năm 1961
- 330 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khánh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AS 742 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971
- 331 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU TÀI**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc

kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 9 năm 1950
Số bằng: ZC 421 kp Quyết định số: 401/TTg ngày 11 tháng 10 năm 1961

- 332 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3N 522 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1978
- 333 Liệt sĩ: **CAO VĂN LỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 8T 642 bt Quyết định số: 653/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1979
- 334 Liệt sĩ: **CAO VĂN KIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MK 439 bm Quyết định số: 157/TTg ngày 25 tháng 6 năm 1970
- 335 Liệt sĩ: **NGUYỄN SĨ VẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1972
Số bằng: EQ 438 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 05 tháng 5 năm 1973
- 336 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THỌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Yên, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1971
Số bằng: GI 686 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1973
- 337 Liệt sĩ: **PHÍ ĐẮC CANH**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 01 năm 1951
Số bằng: ZB 2,223 kp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 338 Liệt sĩ: **NGUYỄN CƠ HỎI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thượng, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 9X 994 bt Quyết định số: 715/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1980
- 339 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHIÊM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 02 năm 1971
Số bằng: ĐL 240 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972
- 340 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông La, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GO 417 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1973
- 341 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TIẾN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1968
Số bằng: LA 356 bm Quyết định số: 75/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1974

- 342 **Liệt sĩ: TRẦN KHÓA**
 Bí thư Huyện ủy, Nguyên quán: xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 11 năm 1953
 Số bằng: ZA 134 cp Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1958

- 343 **Liệt sĩ: NGUYỄN KHÁNH THUẬN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1979
 Số bằng: 8T 795 bt Quyết định số: 654/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1979

- 344 **Liệt sĩ: NGUYỄN PHI CẦU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1947
 Số bằng: ZQ 1,059 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959

- 345 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRÍ ĐỖ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: LV 942 bm Quyết định số: 277TTga ngày 01 tháng 6 năm 1974

- 346 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH ĐÀM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: KN 495 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974

- 347 **Liệt sĩ: NGÔ XUÂN PHONG**
 Chủ tịch Ủy ban xã, Nguyên quán: xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1950
 Số bằng: ZA 620 cp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959

- 348 **Liệt sĩ: VƯƠNG CHÍ KHUYẾN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đắc Sở, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: ĐL 244 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972

- 349 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÝ**
 Tự vệ, Nguyên quán: xã Đắc Sở, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 02 năm 1947
 Số bằng: ZB 3,972 kp Quyết định số: 53/TTg ngày 08 tháng 02 năm 1961

- 350 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN GIÁP**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Yên, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1974
 Số bằng: QO 467 bm Quyết định số: 80/TTga ngày 09 tháng 3 năm 1976

- 351 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN VINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 5G 299 bm Quyết định số: 611/TTga ngày 09 tháng 6 năm 1978

- 352 **Liệt sĩ: ĐÀM TRỌNG TOÀN**

Nhân viên cảnh vệ, Nguyên quán: xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 01 năm 1948
Số bằng: ZA 1,091 cp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959

- 353 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NH 629 bm Quyết định số: 405/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1974
- 354 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁI**
Tự vệ xã, Nguyên quán: xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: ZB 2,276 kp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1995
- 355 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 5 năm 1949
Số bằng: XY 653 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 356 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TÈO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1972
Số bằng: YP 960 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 357 Liệt sĩ: **KHUÁT VĂN LẠC**
Du kích, Nguyên quán: thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 10 năm 1947
Số bằng: GG 648 kp Quyết định số: 1111/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2003
- 358 Liệt sĩ: **ĐÀO DANH HÙNG**
Du kích, Nguyên quán: xã Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1947
Số bằng: XL 513 kp Quyết định số: 181/TTg ngày 11 tháng 5 năm 1961
- 359 Liệt sĩ: **KHUÁT VĂN CHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: GX 681 bp Quyết định số: 150/TTg ngày 19 tháng 4 năm 1961
- 360 Liệt sĩ: **BÙI TRẦN THÌN**
Cán bộ thông tin, Nguyên quán: xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 5 năm 1949
Số bằng: XA 3,328 cp Quyết định số: 53/TTg ngày 08 tháng 02 năm 1961
- 361 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHÁNH**
Thư ký xã, Nguyên quán: xã Sen Chiểu, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1950
Số bằng: YZ 392 kp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 362 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÈ**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Giảng Võ, quận Ba Đình, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972

Số bằng: ER 989 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

- 363 Liệt sĩ: **PHÙNG ĐÌNH MỸ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NT 337 bm Quyết định số: 436/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974
- 364 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NĂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1970. Số bằng: 3N 352 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1978
- 365 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 8Z 930 bt Quyết định số: 790/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1979
- 366 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU NHẮC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1972
Số bằng: OP 047 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1975
- 367 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ CẦU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1968
Số bằng: RT 533 bm Quyết định số: 336/TTga ngày 23 tháng 7 năm 1976
- 368 Liệt sĩ: **HÀ HUY BA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1970
Số bằng: OV 222 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975
- 369 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1972
Số bằng: EP 849 bm Quyết định số: 182/TTg ngày 15 tháng 5 năm 1973
- 370 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HUÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoà Nam, huyện Ứng Hoà, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: CN 301 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 371 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thành, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1971
Số bằng: ĐG 626 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972
- 372 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍNH QUỲNH**
Y tá, Nguyên quán: huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 12 năm 1948
Số bằng: ZC 647 cp Quyết định số: 91/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1965

- 373 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 9 năm 1949
Số bằng: XY 676 kp Quyết định số: 019/TTg ngày 09 tháng 01 năm 1958
- 374 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ VĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 01 năm 1962
Số bằng: OX 531 bm Quyết định số: 138/TTg ngày 14 tháng 10 năm 1964
- 375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1996
Số bằng: ĐT 397 bt Quyết định số: 854/TTg ngày 22 tháng 9 năm 1998
- 376 Liệt sĩ: **LÊ VĂN GIÁP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 02 năm 1954
Số bằng: GX 295 bp Quyết định số: 109/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961
- 377 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MA 802 bm Quyết định số: 55/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 378 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY XÔ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Chấn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 7 năm 1949. Số bằng: XA 881 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 379 Liệt sĩ: **LƯU ĐÌNH THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Chấn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XA 905 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 380 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN THUỘC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 5 năm 1952
Số bằng: XC 941 kp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959
- 381 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUANG**
Cán sự xã, Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 6 năm 1953
Số bằng: XA 037 cp Quyết định số: 518/TTg ngày 02 tháng 12 năm 1958
- 382 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TÁT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XA 934 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 383 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỰU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, tp Hà

Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1969
Số bằng: BL 835 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 01 năm 1972

- 384 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÃN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1968
Số bằng: GP 989 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973
- 385 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN GỌT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1971
Số bằng: VP 010 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977
- 386 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1973
Số bằng: YD 215 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 387 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 8T 662 bt Quyết định số: 653/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1979
- 388 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SƠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1970
Số bằng: AD 439 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 02 năm 1971
- 389 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1974
Số bằng: NV 998 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974
- 390 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÀO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quyết Định, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1952
Số bằng: XG 579 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 01 tháng 12 năm 1959
- 391 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUYẾT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HO 087 bm Quyết định số: 432/TTga ngày 04 tháng 10 năm 1973
- 392 Liệt sĩ: **LÊ TIẾN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Giang, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1968
Số bằng: YG 937 bm Quyết định số: 511/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1977
- 393 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HẢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1973
Số bằng: OD 743 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

- 394 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 5 năm 1947
Số bằng: ZU 843 bp Quyết định số: 186/TTg ngày 23 tháng 8 năm 1960
- 395 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN KHÔI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MV 400 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1970
- 396 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY THẮNG**
Liên lạc viên, Nguyên quán: phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 3 năm 1949
Số bằng: ZA 1,101 cp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 397 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐÈU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bưởi, quận Tây Hồ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 6 năm 1951
Số bằng: ZP 134 bp Quyết định số: 518/TTg ngày 02 tháng 12 năm 1958
- 398 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1970
Số bằng: YB 683 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 06 tháng 5 năm 1977
- 399 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC TẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 4 năm 1953
Số bằng: ZF 582 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 400 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUY**
Du kích, Nguyên quán: phường Việt Hưng, quận Long Biên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: ĐC 280 kp Quyết định số: 21/TTga ngày 18 tháng 01 năm 1975
- 401 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: ZC 878 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 402 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THỌ**
Bác sĩ Quân y, Nguyên quán: xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972
Số bằng: UB 379 bm Quyết định số: 73/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1977
- 403 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Thạch Bàn, quận Long Biên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1951
Số bằng: XB 280 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 404 Liệt sĩ: **VĂN DUY CƯỜNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZQ 1,436 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959

405 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠO**

Giao thông viên, Nguyên quán: phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 12 năm 1949
Số bằng: ZA 559 cp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959

406 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THAU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8S 334 bt Quyết định số: 597/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1979

407 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƠ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PE 349 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1975

408 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 6 năm 1986
Số bằng: BT 376 bt Quyết định số: 324/CTKT ngày 03 tháng 12 năm 1986

409 Liệt sĩ: **PHÙNG QUANG TƯ**

Trợ lý Công binh Sư đoàn, Nguyên quán: xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EB 504 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

410 Liệt sĩ: **PHÙNG QUANG TRUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GX 069 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

411 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH TUỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mê Linh, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TV 062 bm Quyết định số: 47/TTg ngày 22 tháng 02 năm 1977

412 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1974
Số bằng: QV 922 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

413 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HỒNG**

Lái xe, Nguyên quán: phường La Khê, quận Hà Đông, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CR 681 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1972

414 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ KHẢI**

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Nguyên quán: phường La Khê, quận Hà Đông, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 5 năm 1951

Số bằng: ZA 1,145 cp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959

- 415 Liệt sĩ: **NGUYỄN DẬU**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Phong, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1968. Số bằng: RM 764 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1969
- 416 Liệt sĩ: **HÀ HUY THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1951
Số bằng: ZK 706 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 03 tháng 3 năm 1958
- 417 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TÝ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Phúc, huyện Phúc Thọ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: YY 188 bm Quyết định số: 565/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 418 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TU**
Du kích, Nguyên quán: xã Canh Nậu, huyện Thạch Thất, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 5 năm 1947
Số bằng: XL 623 kp Quyết định số: 329/TTg ngày 04 tháng 8 năm 1961
- 419 Liệt sĩ: **TẠ XUÂN TIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Xã, huyện Thạch Thất, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1970
Số bằng: DD 162 bm Quyết định số: 145/CTKT ngày 17 tháng 7 năm 1992
- 420 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NHÂN**
Phó tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 02 năm 1983
Số bằng: R 173 bt Quyết định số: 386/CTKT ngày 03 tháng 11 năm 1983
- 421 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SÒI**
Tham mưu trưởng tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1973. Số bằng: NU 491 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974
- 422 Liệt sĩ: **NGÔ DUY LUẬN**
Y tá, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1971
Số bằng: OV 440 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1975
- 423 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Hoà, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 8 năm 1950
Số bằng: XQ 725 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959
- 424 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG ĐÀO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Hoà, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 2K 642 bm Quyết định số: 1647/TTga ngày 05 tháng 12 năm 1977

- 425 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẦU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1970
Số bằng: CB 364 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1972
- 426 Liệt sĩ: **HÀ CHU CHUÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 01 năm 1966
Số bằng: MR 542 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1970
- 427 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN HOA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 02 năm 1971
Số bằng: OV 356 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1975
- 428 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC KHA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QR 084 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1976
- 429 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIẾN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970
Số bằng: CK 201 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 24 tháng 6 năm 1972
- 430 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TỐI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SM 696 bm Quyết định số: 231/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1969
- 431 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN SỸ**
Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 12 năm 1950
Số bằng: ZA 348 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 432 Liệt sĩ: **HÀ TUYẾN TÁ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Đô, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1969
Số bằng: GE 593 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1973
- 433 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỰA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1949
Số bằng: ZK 965 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 01 tháng 4 năm 1958
- 434 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 02 năm 1949
Số bằng: ZQ 4,890 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 435 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, tp

Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KN 850 bm Quyết định số: 585/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1973

- 436 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên An, huyện ứng Hòa, tp Hà Nội,
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 02 năm 1947
Số bằng: ZQ 3,828 bp Quyết định số: 396/TTg ngày 02 tháng 11 năm 1959
- 437 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIÊU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, tp Hà
Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 02 năm 1952
Số bằng: ZZ 348 bp Quyết định số: 53/TTg ngày 08 tháng 02 năm 1961
- 438 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, thành
phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1972
Số bằng: YV 309 bm Quyết định số: 569/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 439 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỘ**
Tự vệ, Nguyên quán: thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc
kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1946
Số bằng: ZB 1,297 kp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959
- 440 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tp Hà
Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 02 năm 1952
Số bằng: ZK 397 bp Quyết định số: 019/TTg ngày 09 tháng 01 năm 1958
- 441 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Phong, huyện Mỹ Đức, tp Hà
Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LN 184 bm Quyết định số: 127/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974
- 442 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC LỢI**
Lái xe, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp
chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1970
Số bằng: CR 212 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1972
- 443 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, thành
phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GO 448 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1973
- 444 Liệt sĩ: **CHU VĂN DIỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UV 672 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977
- 445 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà
Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1974
Số bằng: RT 300 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1976

446 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐẠO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1961
Số bằng: CZ 947 bm Quyết định số: 233/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1962

447 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆN**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dương Hà, huyện Gia Lâm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1967
Số bằng: 8M 092 bm Quyết định số: 436/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979

448 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MONG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1966
Số bằng: MĐ 060 bm Quyết định số: 56/TTGa ngày 16 tháng 3 năm 1970

TỈNH KIÊN GIANG

- 1 Liệt sĩ: **LÊ THỊ BÊ**
Cán bộ phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1965
Số bằng: AG 921 km Quyết định số: 316/CTKT ngày 26 tháng 9 năm 1984
- 2 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC THÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 2E 355 bm Quyết định số: 1137/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 3 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NHÀN**
Nhân viên đội bảo vệ, Nguyên quán: xã Phi Thông, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 1Z 304 km Quyết định số: 1671/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 4 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỐ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1967
Số bằng: CY 067 bm Quyết định số: 13/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1992
- 5 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HÒA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1969
Số bằng: TR 419 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1977
- 6 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CHỮ**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Phi Thông, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1969
Số bằng: 4A 982 km Quyết định số: 203/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 7 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN UT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phi Thông, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1948
Số bằng: 2CC 206bp Quyết định số: 773/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1980
- 8 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 3 năm 1954
Số bằng: BC 836 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970
- 9 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ĐỎ**
Phó trưởng đoàn phụ nữ, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1969
Số bằng: CY 320 km Quyết định số: 295/CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1991
- 10 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỀ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1961
Số bằng: 3D 758 km Quyết định số: 1105/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978

- 11 **Liệt sĩ: LÊ VĂN NHU**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1962
Số bằng: T 164 km Quyết định số: 156/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1976
- 12 **Liệt sĩ: TRẦN QUỐC HÙNG**
Cán bộ binh vận, Nguyên quán: thị trấn Phước Long, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1964
Số bằng: 3S 558 km Quyết định số: 1483/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 13 **Liệt sĩ: BÙI THỊ NGÂN**
Tổ trưởng tổ đảng, Nguyên quán: xã Nam Thái Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1969
Số bằng: S 662 cm Quyết định số: 438/CTKT ngày 17 tháng 12 năm 1983
- 14 **Liệt sĩ: ĐỖ VĂN DŨNG**
Bí thư chi đoàn xã, Nguyên quán: xã Nam Thái Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1973
Số bằng: XM 648 km Quyết định số: 735/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 15 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGUYỄN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: 3Q 749 km Quyết định số: 369/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979
- 16 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NGUYỄN**
Bí thư chi đoàn, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1960
Số bằng: 3U 477 cm Quyết định số: 173/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1979
- 17 **Liệt sĩ: LƯU THÁI SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 6K 215 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 18 **Liệt sĩ: LƯU HÓA HẢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 9I 282 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 19 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1965
Số bằng: 2E 522 km Quyết định số: 59/TTga ngày 23 tháng 1 năm 1978
- 20 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN CHIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1G 617 bm Quyết định số: 1227/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

- 21 Liệt sĩ: **ĐÀO CÔNG KỶ**
 Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1955
 Số bằng: BI 187 km Quyết định số: 1092/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978

- 22 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN KHOÁT**
 Đại đội trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 7 năm 1974
 Số bằng: 4U 230 bt Quyết định số: 285/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978

- 23 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ THỜI**
 Công dân, Nguyên quán: xã Phi Thông, thị xã: Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1965
 Số bằng: AU 867 km Quyết định số: 351/CTKT ngày 18 tháng 9 năm 1985

- 24 Liệt sĩ: **LƯƠNG THỊ DÀY**
 Nhân viên dân y thị xã, Nguyên quán: xã Phi Thông, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: 3I 711 km Quyết định số: 1086/TTga ngày 25 tháng 9 năm 1978

- 25 Liệt sĩ: **TRẦN ANH KIẾT**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vĩnh Thanh Vân, tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 5 năm 1984
 Số bằng: AS 880 bt Quyết định số: 284/CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1985

- 26 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIU**
 Cán bộ địch vận, Nguyên quán: xã Thái Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 12 năm 1951
 Số bằng: AC 722 kp Quyết định số: 211/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970

- 27 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KỶ**
 Ủy viên thường vụ huyện ủy, Nguyên quán: xã Vĩnh Điều, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1971
 Số bằng: 2R 498 cm Quyết định số: 442/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

- 28 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NIÊN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Điều, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1966
 Số bằng: 7X 003 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1979

- 29 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN THEO**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1961
 Số bằng: ĐC 740 km Quyết định số: 841/TTg ngày 12 tháng 11 năm 1996

- 30 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN LẠC**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1962
 Số bằng: ĐC 739 km Quyết định số: 841/TTg ngày 12 tháng 11 năm 1996

- 31 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN QUÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thủy Liệu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 2U 941 km Quyết định số: 1387/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 32 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN ĐẠM**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1964
Số bằng: 7X 008 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 02 tháng 3 năm 1979
- 33 **Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC CHÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VO 771 bm Quyết định số: 451/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 34 **Liệt sĩ: NGUYỄN VIỆT HẢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1970
Số bằng: VO 733 bm Quyết định số: 451/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 35 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN QUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1964
Số bằng: 1Q 605 bm Quyết định số: 835/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1977
- 36 **Liệt sĩ: VÕ VĂN BẠC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: 1O 442 bm Quyết định số: 821/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1977
- 37 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN DŨNG**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Thủy Liệu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1961
Số bằng: XM 982 cm Quyết định số: 775/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 38 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN MỚI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1960
Số bằng: 7E 578 bm Quyết định số: 1371/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1978
- 39 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HAI**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1967
Số bằng: CY 068 bm Quyết định số: 13/CTKT ngày 20 tháng 01 năm 1992
- 40 **Liệt sĩ: LA VĂN CHỚI**
Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Chánh, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969
Số bằng: AS 858 km Quyết định số: 284/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1985

- 41 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUAN**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1960
Số bằng: CY 183 cm Quyết định số: 294/CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1991
- 42 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NGHĨA**
Uy viên Ban chấp hành phụ nữ xã Vĩnh Phước, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1967
Số bằng: CC 099 cm Quyết định số: 62/CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1989
- 43 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT HÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7V 946 bt Quyết định số: 167/TTGa ngày 28 tháng 2 năm 1979
- 44 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN CHẠ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 1AA 678 bm Quyết định số: 23/TTGa ngày 24 tháng 01 năm 1981
- 45 Liệt sĩ: **TRẦN MINH CHÁNH**
Phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Dân, huyện Minh Hải, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3T 693 bm Quyết định số: 1671/TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 46 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**
Đại đội phó Quân đội Nhân Dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, huyện Thạnh Trị, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 7E 551 bm Quyết định số: 1371/TTGa ngày 4 tháng 12 năm 1978
- 47 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XÊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1965
Số bằng: 8Z 907 bm Quyết định số: 839/TTGa ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 48 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN A**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 3T 680 bm Quyết định số: 1671/TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 49 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TẤN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: 8Z 896 bm Quyết định số: 839/TTGa ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 50 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÈN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1972
Số bằng: 2Z 060 km Quyết định số: 1002/TTGa ngày 04 tháng 9 năm 1978

- 51 **Liệt sĩ: VƯƠNG HỒNG SINH**
 Chính trị viên tiểu đoàn Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1978
 Số bằng: 7T 235 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 12 tháng 1 năm 1978
- 52 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN PHƯỚC**
 Cán bộ huyện, Nguyên quán: xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: 4N 818 cm Quyết định số: 278/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981
- 53 **Liệt sĩ: NGUYỄN KIM KHUÊ**
 Chủ tịch mặt trận tỉnh, Nguyên quán: xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
 Số bằng: 3I 189 cm Quyết định số: 1092/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 54 **Liệt sĩ: VÕ VĂN HẦU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1973
 Số bằng: 6P 650 bm Quyết định số: 1070/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1978
- 55 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ LAI**
 Đội trưởng giao liên xã, Nguyên quán: xã Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1965
 Số bằng: AG 925 cm Quyết định số: 316/CTKT ngày 26 tháng 9 năm 1984
- 56 **Liệt sĩ: LÊ VĂN HOA**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 6P 645 bm Quyết định số: 1070/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1978
- 57 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN NGỌC**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: VM 776 km Quyết định số: 953/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 58 **Liệt sĩ: ĐỖ ĐỨC TIỆP**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1973
 Số bằng: RY 030 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976
- 59 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN TÙNG**
 Cán bộ nông hội xã, Nguyên quán: xã Hải Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: CC 026 cm Quyết định số: 18/CTKT ngày 17 tháng 2 năm 1989
- 60 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HẦU**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Kom Pong Thom, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1972
 Số bằng: 2AB 517bm Quyết định số: 203/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982

- 61 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN ĐĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7Y 641 bt Quyết định số: 224/TTGa ngày 25 tháng 12 năm 1977

- 62 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN TỎ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 7Y 680 bm Quyết định số: 22/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1979

- 63 **Liệt sĩ: NGUYỄN THANH QUANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 4U 200 bm Quyết định số: 285/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978

- 64 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU HỌC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Bình Thủy, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1974
Số bằng: 2R 759 bm Quyết định số: 1410/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977

- 65 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN HÓN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1Y 654 bm Quyết định số: 1015/TTGa ngày 16 tháng 9 năm 1977

- 66 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN SUNG**
Cán bộ Ban chấp hành nông hội, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1971
Số bằng: AV 201 cm Quyết định số: 353/CTKT ngày 18 tháng 9 năm 1985

- 67 **Liệt sĩ: LÝ VĂN HÙNG**
Bộ đội địa phương, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 1Y 656 bm Quyết định số: 1015/TTGa ngày 16 tháng 9 năm 1977

- 68 **Liệt sĩ: TÔ VĂN CỨNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1962
Số bằng: 2O 688 km Quyết định số: 436/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

- 69 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN CHÁNH**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1958
Số bằng: BO 640 cm Quyết định số: 239/CTKT ngày 21 tháng 10 năm 1987

- 70 **Liệt sĩ: LÊ VĂN THÀNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1966
Số bằng: TR 601 bm Quyết định số: 52/TTGa ngày 22 tháng 1 năm 1977

- 71 **Liệt sĩ: VÕ VĂN HAI**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1969
 Số bằng: QM 612 bm Quyết định số: 838/TTGa ngày 12 tháng 8 năm 1977
- 72 **Liệt sĩ: VÕ VĂN BA**
 Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: Y 547 km Quyết định số: 101/CTKT ngày 8 tháng 4 năm 1984
- 73 **Liệt sĩ: VŨ VĂN NGỌ**
 Du kích xã, Nguyên quán: xã Nam Thái, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: BE 566 km Quyết định số: 251/CTKT ngày 17 tháng 9 năm 1986
- 74 **Liệt sĩ: VŨ VĂN TÊ**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: 3I 828 km Quyết định số: 1374/TTGa ngày 4 tháng 12 năm 1974
- 75 **Liệt sĩ: KIM VĂN LY**
 Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1967
 Số bằng: 1S 381 cm Quyết định số: 1457/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 76 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NHƯ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1965
 Số bằng: 1Y 635 bm Quyết định số: 1015/TTGa ngày 16 tháng 9 năm 1977
- 77 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐIỀN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965
 Số bằng: 1Y 631 bm Quyết định số: 1015/TTGa ngày 16 tháng 9 năm 1977
- 78 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN ĐÔI**
 Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1962
 Số bằng: 1S 384 cm Quyết định số: 1457/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 79 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TỐT**
 Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 2 năm 1946
 Số bằng: HC 703 kp Quyết định số: 998/TTGa ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 80 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐỒ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1977
 Số bằng: 7v 984 bm Quyết định số: 167/TTGa ngày 28 tháng 2 năm 1979

- 81 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN HƯNG**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Nam Thái Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 2S 707 cm Quyết định số: 700/TTGa ngày 30 tháng 6 năm 1978

- 82 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN VIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RO 359 bm Quyết định số: 306/TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1976

- 83 **Liệt sĩ: PHẠM NGỌC TRÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967
Số bằng: OE 427 bm Quyết định số: 578/TTGa ngày 19 tháng 11 năm 1974

- 84 **Liệt sĩ: DANH HÒA**
Đội viên Du kích, Nguyên quán: xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1973
Số bằng: OM 996 km Quyết định số: 735/TTGa ngày 13 tháng 7 năm 1977

- 85 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THIẾT**
Nhân viên giao liên huyện, Nguyên quán: xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1969
Số bằng: XM 714 cm Quyết định số: 735/TTGa ngày 13 tháng 7 năm 1977

- 86 **Liệt sĩ: LÊ VĂN HUÊ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7E 670 bm Quyết định số: 1372/TTGa ngày 4 tháng 12 năm 1978

- 87 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN NĂM**
Bí thư chi đoàn xã, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1959
Số bằng: 1S 358 cm Quyết định số: 1457/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977

- 88 **Liệt sĩ: LÊ VĂN KÝ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1963
Số bằng: 6R 772 bm Quyết định số: 1093/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978

- 89 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN UT**
Y tá du kích xã, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2P 376 km Quyết định số: 461/TTGa ngày 10 tháng 5 năm 1978

- 90 **Liệt sĩ: BÙI THÀNH LONG**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1965
Số bằng: DH 573 cm Quyết định số: 191/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1993

- 91 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1959
 Số bằng: 7T 242 Quyết định số: 59/TTGa ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 92 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HAI**
 Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thới Nhất, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: 2G 281 bm Quyết định số: 215/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 93 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỰC (ĐÁU)**
 Phó ban binh vận huyện, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1970
 Số bằng: OM 590 cm Quyết định số: 18/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 94 Liệt sĩ: **DANH QUẬN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1974
 Số bằng: ĐS 051 km Quyết định số: 629/TTg ngày 18 tháng 1 năm 1998
- 95 Liệt sĩ: **DANH VĂN**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1974
 Số bằng: 1R 210 km Quyết định số: 1448/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 96 Liệt sĩ: **DANH BIA**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: 8L 239 bm Quyết định số: 442/ TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 97 Liệt sĩ: **DANH TỶ**
 Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1959
 Số bằng: 3R 569 cm Quyết định số: 15/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 98 Liệt sĩ: **DANH KHIỆC (KHIEL)**
 Ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1964
 Số bằng: 1R 209 km Quyết định số: 1448/TTGa ngày 19 tháng 11 năm 1977
- 99 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LONG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bàn Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: TR 029 bm Quyết định số: 18/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 100 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯƠNG**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1960
 Số bằng: F 448 km Quyết định số: 021/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1982

- 101 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TIẾT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1951
Số bằng: NC 925 bp Quyết định số: 18/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 102 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN THẮNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1974
Số bằng: CM 111 km Quyết định số: 18/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 103 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN TIẾNG**
Dân y xã, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OM 611 cm Quyết định số: 18/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 104 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SÊN**
Công dân, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 1S 605 cm Quyết định số: 1457/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 105 **Liệt sĩ: LÊ VĂN HẠNH**
Trưởng Ban Công an xã, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 2R 485 cm Quyết định số: 442/TTGa ngày 1 tháng 5 năm 1978
- 106 **Liệt sĩ: LÊ BÌNH DÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1973
Số bằng: 2Q 236 bm Quyết định số: 1042/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 107 **Liệt sĩ: LÊ VĂN BA**
Uy viên hội đồng nhân dân xã, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 1S 355 cm Quyết định số: 1457/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 108 **Liệt sĩ: VÕ THỊ HƯỜNG**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 3T 520 cm Quyết định số: 59/TTGa ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 109 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ON(THỌ)**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 2Q 296 bm Quyết định số: 1042/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 110 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN SỬ**
Đảng viên Đảng Cộng sản, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 2S 758 cm Quyết định số: 630/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978

- 111 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MƯỜI**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Xuân, huyện Ô Môn, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1960
 Số bằng: 6R 802 bm Quyết định số: 1093/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 112 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CUÔN**
 Công dân, Nguyên quán: xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1962
 Số bằng: BĐ 320 cm Quyết định số: 175/CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1986
- 113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUÔNG**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1960
 Số bằng: F 448 cm Quyết định số: 021/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1982
- 114 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐIỀU**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: 9N 903 bm Quyết định số: 289/TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 115 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NÊN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1971
 Số bằng: 3U 332 bm Quyết định số: 1773/TTGa ngày 26 tháng 12 năm 1977
- 116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1973
 Số bằng: 2P 306 cm Quyết định số: 461/TTGa ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 117 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XỆ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: 3U 331 bm Quyết định số: 1773/TTGa ngày 26 tháng 12 năm 1977
- 118 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÚA**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1971
 Số bằng: 2Q 233 bm Quyết định số: 1042/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 119 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VIỆT**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1974
 Số bằng: 2Q 334 bm Quyết định số: 1039/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 120 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MUÔN**
 Bí thư chi đoàn, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: 2S 733 cm Quyết định số: 630/TTGa ngày 16 tháng 8 năm 1978

- 121 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 4U 274 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 122 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RỰA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ĐC 752 km Quyết định số: 841/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1996
- 123 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÉN**
Đội phó du kích, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1961
Số bằng: 1R 166 km Quyết định số: 1448/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 124 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỶ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 1R 161 km Quyết định số: 1448/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 125 Liệt sĩ: **LA VĂN CÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1961
Số bằng: 1R 159 km Quyết định số: 1448/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUYỀN**
Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 2U 008 cm Quyết định số: 630/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 127 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SON**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1963
Số bằng: 2Q 309 bm Quyết định số: 1039/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 128 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁNH**
Áp đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 3D 747 cm Quyết định số: 1105/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 129 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUẬN**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1959
Số bằng: AB 109 cm Quyết định số: 139/CTKT ngày 9 tháng 5 năm 1984
- 130 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN QUANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1964
Số bằng: 6R 740 cm Quyết định số: 1093/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978

- 131 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LIÊM**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1963
 Số bằng: 6R 062 bm Quyết định số: 1079/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1977
- 132 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN MÚ**
 Phó bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: 1S 404 cm Quyết định số: 1457/ TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 133 **Liệt sĩ: ĐỖ VĂN SANG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1964
 Số bằng: 2Q 304 bm Quyết định số: 1039/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 134 **Liệt sĩ: ĐỖ VĂN KINH**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1960
 Số bằng: ĐC 753 km Quyết định số: 841/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1996
- 135 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN ĐẶNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 2Q 245 bm Quyết định số: 1042/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 136 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TRÀ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1987
 Số bằng: CO 703 bm Quyết định số: 156/CTKT ngày 6 tháng 9 năm 1990
- 137 **Liệt sĩ: VÕ VĂN TÂN**
 Đảng viên Đảng Cộng sản, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1963
 Số bằng: 2S 772 cm Quyết định số: 630/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 138 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN KIỂM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: 6R 770 bm Quyết định số: 1093/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 139 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ANH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bằng: 2Q 279 bm Quyết định số: 1042/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1977
- 140 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN NĂM**
 Bí thư chi đoàn, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1959
 Số bằng: 1S 358 cm Quyết định số: 1457/ TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977

- 141 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHÁ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 2Q 344 bm Quyết định số: 1039/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 142 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHÂM**
 Nhân viên binh vận, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: 2R 494 cm Quyết định số: 442/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 143 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN HÙNG**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1963
 Số bằng: 1R 167 cm Quyết định số: 1448/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 144 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MINH**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1970
 Số bằng: 1R 156 km Quyết định số: 1448/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 145 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MỆO**
 Trưởng ban cán sự ấp, Nguyên quán: xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: T 171 cm Quyết định số: 432/CTKT ngày 30 tháng 11 năm 1983
- 146 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN BẢY**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: huyện Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: T 156 km Quyết định số: 432/CTKT ngày 30 tháng 11 năm 1983
- 147 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN ĐIỀU**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: 9N 903 bm Quyết định số: 239/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1980
- 148 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN TƯ**
 Ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: 2P 385 km Quyết định số: 461/TTGa ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 149 **Liệt sĩ: ĐỖ VĂN BA**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 2Q 221 bm Quyết định số: 630/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 150 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỐNG NHẤT**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: 7E 629 bm Quyết định số: 1371/TTGa ngày 4 tháng 12 năm 1988